

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Vượt qua hoài nghi, hướng tới tăng trưởng

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đông Thanh Tuấn

tuan.dt@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

[Tóm tắt]

- | | |
|---|-----------|
| ① Bối cảnh toàn cầu | 5 |
| American Exceptionalism
EU đối diện với rủi ro suy thoái đến từ bất ổn chính trị và sự suy yếu trong các hoạt động kinh tế
Các chính sách kích cầu tại Trung Quốc dần mang đến những thành quả đầu tiên | |
| ② Thị trường tiền tệ | 19 |
| Tỷ giá USD/VND
Lãi suất liên ngân hàng
Trái phiếu Chính phủ | |
| ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp | 11 |
| Hoạt động phát hành
Hoạt động mua lại trước hạn
Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp | |
| ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam | 19 |
| Diễn biến giao dịch
Thống kê theo ngành
Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư
Triển vọng | |



[Tóm tắt]

Bối cảnh toàn cầu:

- **Hoa Kỳ tiếp tục củng cố vị thế “American Exceptionalism” khi tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư trên toàn cầu trong khi phần lớn các thị trường chứng khoán tại Châu Âu và Châu Á đều giảm điểm và ghi nhận sự thoái vốn của các nhà đầu tư nước ngoài.** Tại đây, Trung Quốc là một trong số ít các quốc gia thu hút dòng vốn đầu tư với những câu chuyện đặc thù xoay quanh hiệu quả của hàng loạt chính sách kích cầu trong tháng 9. Trong khi đó, Châu Âu đứng trước rủi ro suy thoái khi hàng loạt các đầu tàu kinh tế như Đức và Pháp đều ghi nhận các sự kiện bất ổn về chính trị cũng như hoạt động sản xuất, dịch vụ lẫn tiêu dùng đều suy yếu một cách rõ rệt trong tháng 10 và tháng 11.

Thị trường tiền tệ:

- **Tỷ giá đã dần ổn định trong tháng 11 dù mức mất giá tính từ đầu năm tăng nhẹ lên 4,27%.** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tích cực điều tiết thanh khoản thông qua tín phiếu từ Hoạt động thị trường mở (OMO) và hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng phát hành đạt lần lượt là 21,4 nghìn tỷ đồng và 315 nghìn tỷ đồng; phản ánh xu hướng hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống sau khi liên tục hút ròng trước đó.
- Trong khi đó, nguồn dự trữ ngoại hối của Việt Nam hiện duy trì ở mức thấp và tương ứng khoảng 2,4 tháng nhập khẩu tính đến tháng 8/2024 —dưới chuẩn khuyến nghị tối thiểu là 3 tháng theo IMF. **Tuy nhiên, triển vọng trong tháng 12 dự kiến có phần khởi sắc hơn do được hỗ trợ đến từ nguồn ngoại tệ chảy vào Việt Nam (lượng kiều hối dồi dào cùng thặng dư thương mại liên tục được mở rộng) trong khi các đợt cắt lãi suất của Fed trong năm 2025 dự kiến sẽ giúp NHNN có thêm dư địa trong việc tái xây dựng nguồn dự trữ ngoại hối, hạ lãi suất điều hành và duy trì tính ổn định của tỷ giá.**

Trái phiếu doanh nghiệp:

- **Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận 50 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị phát hành đạt 44,6 nghìn tỷ đồng, nâng tổng lượng phát hành kể từ đầu năm đạt 355 nghìn tỷ đồng (+49,5% YoY).** Nhóm các tổ chức tín dụng (Ngân hàng thương mại - NHTM) tiếp tục dẫn dắt thị trường bởi các đợt phát hành đến từ ACB, HDB, và TCB, trong khi nhóm Bất động sản đồng thời ghi nhận một lượng phát hành lớn đến từ động thái của VHM (4 nghìn tỷ). Bên cạnh đó, hoạt động mua lại trước hạn ghi nhận 52 giao dịch với tổng giá trị đạt 5,75 nghìn tỷ đồng với phần lớn đến từ các NHTM; nâng tổng giá trị mua lại trước hạn từ đầu năm đạt 168 nghìn tỷ đồng (-16% YoY).
- Bước sang tháng 12, dự kiến sẽ ghi nhận lượng trái phiếu đáo hạn với tổng trị giá khoảng 39 nghìn tỷ đồng— với 8,5 nghìn tỷ đến từ nhóm doanh nghiệp sản xuất, 7 nghìn tỷ đến từ các doanh nghiệp bất động sản, và 6 nghìn tỷ đến từ các NHTM. Trong đó có khoảng 16 trái phiếu đến từ 15 doanh nghiệp khác nhau có khả năng sẽ không thể thanh toán đúng hạn và có thể sẽ cần phải dời thời hạn thanh toán theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP. Điểm chung của các doanh nghiệp này bao gồm 1) phần lớn đều hoạt động trong lĩnh vực phát triển bất động sản; 2) thiếu minh bạch trong việc công bố thông tin và không có lịch sử hoạt động; 3) kết quả kinh doanh không khả quan cùng với tỷ lệ đòn bẩy tài chính lớn; 4) từng ghi nhận trái phiếu có trường hợp chậm trả lãi hoặc gốc. Theo VIS Ratings, tổng giá trị trái phiếu chậm trả trên toàn thị trường đạt khoảng 189,4 nghìn tỷ đồng từ tháng 4/2022 đến tháng 11/2024. Nhìn chung, tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 11/2024 giữ ở mức 15,3%. Nhóm Năng lượng có tỷ lệ chậm trả cao nhất ở mức 44%, trong khi nhóm Bất động sản Nhà ở chiếm 60% tổng lượng trái phiếu chậm trả.

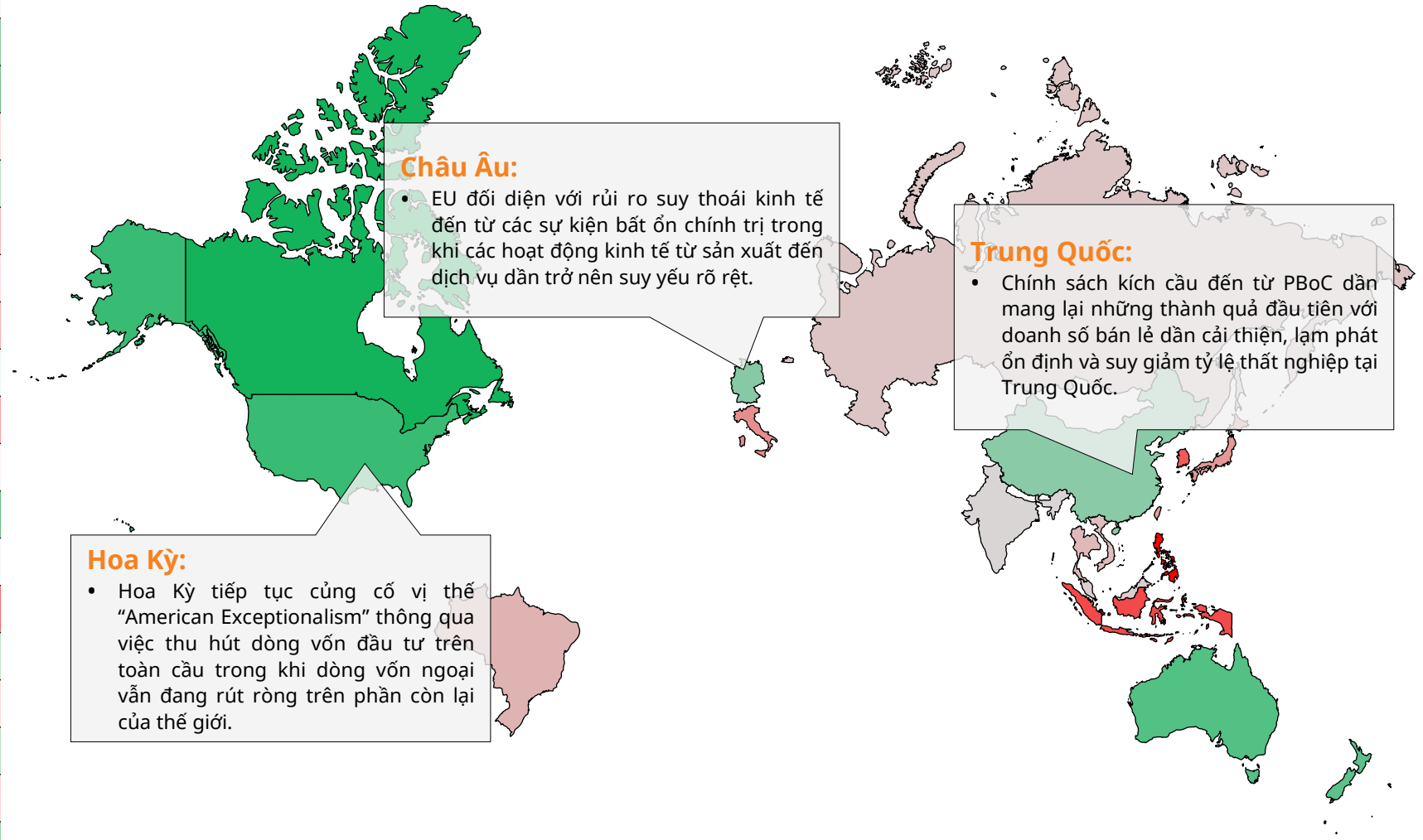
[Tóm tắt]

Thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

- **Thị trường Việt Nam tiếp tục suy yếu trong tháng 11 với VN-Index giảm 1,11% so với tháng trước trong bối cảnh thanh khoản ảm đạm.** Dù ghi nhận đà tăng điểm mạnh mẽ đến từ nhóm Vận tải và Bảo hiểm cùng đà tăng bứt phá đến từ các cổ phiếu tiêu biểu như FPT và VTP, thị trường chung duy trì xu hướng điều chỉnh với áp lực chốt lời dần gia tăng đối với nhóm Ngân hàng sau khi ghi nhận các nhịp tăng bùng nổ kể từ đầu năm.
- **Diễn biến giao dịch chung đồng thời phản ánh sự dịch chuyển trong động thái mua bán giữa các nhóm nhà đầu tư với nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước chuyển từ trạng thái mua ròng về bán ròng kể từ nửa sau của tháng, dù thị trường đã có những tín hiệu hồi phục hồi đầu tiên trong cùng giai đoạn.** Trong khi đó, nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn đang tích cực giải ngân với lượng mua ròng đạt 8 nghìn tỷ đồng trong tháng 11, nâng lượng mua ròng lũy kế từ đầu năm lên 13,2 nghìn tỷ đồng – mức mua ròng lớn nhất của nhóm này kể từ bắt đầu công bố thông tin từ năm 2021. Tuy nhiên, khối ngoại ghi nhận tháng bán ròng mạnh mẽ nhất kể từ tháng 6/2024 sau khi thoái vốn hơn 12 nghìn tỷ đồng và nâng lượng bán ròng kể từ đầu năm lên đến 88 nghìn tỷ đồng.
- **Bước sang tháng 12, tâm lý giao dịch chung đã dần cải thiện sau nhịp tăng kéo dài ba tuần liên tiếp của VN-Index với thanh khoản dần phục hồi.** Trong khi chỉ số sàn HOSE đã thiết lập được vùng hỗ trợ mới tại 1.250 điểm, chúng tôi kỳ vọng đà tăng trong giai đoạn tới sẽ dần được củng cố bởi sắc xanh lan tỏa đến từ nhiều nhóm ngành như Dịch vụ Tài chính (Chứng khoán), Bán lẻ, Bảo hiểm và Thép trong khi nhóm Ngân hàng có khả năng sẽ ghi nhận hiệu suất giao dịch thấp hơn mặt bằng chung của thị trường dù mức định giá chung của ngành vẫn còn tương đối hấp dẫn. Ngoài ra, chúng tôi đồng thời duy trì sự thận trọng cần thiết khi đà tăng trong giai đoạn tới dù có khả năng sẽ đưa VN-Index chinh phục cột mốc tâm lý 1.300 điểm song áp lực chốt lời dự kiến sẽ duy trì trong vùng 1.300 đến 1.330 điểm.
- **Đối với 2025, đầu tư công sẽ tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng chính của Việt Nam cùng với sự gia tăng trong dòng vốn đầu tư đến từ FDI và các tín hiệu khởi sắc đến từ hoạt động sản xuất trong nước khi Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục hưởng lợi từ chiến lược đa dạng hóa chuỗi cung ứng mang tên “Trung Quốc +1”** trong khi các quan ngại của các nhà đầu tư nước ngoài về việc thiếu hụt nguồn cung điện đối với các khu công nghiệp dự kiến sẽ sớm được giải quyết thông qua một loạt thay đổi trong Luật Điện (sửa đổi) cùng các sáng kiến mới trong năng lượng tái tạo và định hướng phát triển điện hạt nhân. Trong khi đó, hoạt động tiêu dùng trong nước có thể sẽ ghi nhận quá trình phục hồi chậm hơn dự kiến khi người tiêu dùng vẫn đang có phần “cân đo đong đếm” trong hoạt động chi tiêu trong 9 tháng đầu năm dưới sự ảnh hưởng của hiệu ứng suy giảm tài sản đến từ quá trình phục hồi không đồng đều của thị trường bất động sản.
- Trong năm 2025, chúng tôi đồng thời dành sự quan tâm nhất định đối với ngành Ngân hàng trong bối cảnh tỷ lệ nợ xấu đạt 2,47% trong quý III/2024, Thông tư 02/2023/TT-NHNN sẽ sớm hết hạn vào cuối tháng 12 cùng với tình trạng một lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đảo nợ dự kiến sẽ mang đến những thách thức đối với thanh khoản hệ thống ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2025 với các tác động ảnh hưởng đặc biệt đối với nhóm doanh nghiệp Bất động sản, Xây dựng và Năng lượng.
- Các yếu tố ngoại tác đến từ phía bên ngoài dự kiến sẽ mang lại những rủi ro cần phải theo dõi như: **1) Tác động từ cuộc chiến kéo dài giữa Nga và Ukraine đến triển vọng tăng trưởng của khu vực Châu Âu; 2) khả năng chiến tranh thương mại lan rộng do ảnh hưởng của chính sách thuế quan mới trong nhiệm kỳ thứ 2 của Tân Tổng thống Donald Trump trong khi hoạt động sản xuất đang tiếp tục bị trì trệ tại các nền kinh tế trọng điểm; 3) Lạm phát dai dẳng tại các thị trường phát triển cùng với quan điểm “diều hâu” của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản sẽ là những thách thức tiềm ẩn khi đồng thời kéo dài lộ trình hạ lãi suất của Fed và kích hoạt tín hiệu đảo chiều của dòng vốn “carry trade” trong khi dòng vốn đầu tư tiếp tục chảy về thị trường Hoa Kỳ.**

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	Tháng 11
Việt Nam	VN-Index	1.250,46	-1,11%
Mỹ	S&P 500	6.032,38	3,76%
Canada	TSX	25.648,00	4,65%
Nhật	Nikkei 225	38.208,03	-2,72%
Trung Quốc	SHCOMP	3.326,46	1,84%
Hồng Kông	Hang Seng	19.423,61	-4,70%
Đài Loan	TWSE	22.262,50	-2,44%
Hàn Quốc	KOSPI	2.455,91	-5,32%
Ấn Độ	SENSEX	79.802,79	-0,17%
Indonesia	JCI	7.114,27	-6,02%
Thái Lan	SET	1.427,54	-1,36%
Singapore	STI	3.739,29	5,07%
Malaysia	FBMKLCI	1.594,29	-0,47%
Philippines	PSEi	6.613,85	-9,15%
UK	FTSE 100	8.287,30	1,56%
Pháp	CAC 40	7.235,11	-2,60%
Đức	DAX	19.626,45	1,92%
Ý	IT 40	33.414,56	-3,15%
Úc	ASX 200	8.436,23	3,13%
New Zealand	NZX 50	13.066,92	2,93%



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu

TÍCH CỰC

TIÊU CỰC

Mỹ

- **Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) tiếp tục hạ lãi suất (FFR) thêm 25 điểm cơ bản, đưa vùng lãi suất mục tiêu về 4,5% - 4,75%**; phù hợp với kỳ vọng chung của thị trường cũng như biên bản dự phóng dự phóng kinh tế được công bố vào tháng 9 của FOMC.
 - **Hoạt động sản xuất tiếp tục được cải thiện trong tháng 11 với PMI sản xuất tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 8 và đạt 49,7 điểm.** Trong đó, thống kê đến từ S&P Global chỉ ra rằng mức sụt giảm trong đơn đặt hàng mới đã dần giảm tốc trong khi số lượng tuyển dụng nhân công mới đối với các nhà máy đang phục hồi trở lại.
 - **Doanh số bán lẻ tăng tốc tăng tháng 10 với mức tăng trưởng đạt 2,8% YoY (T9: +2% YoY).** Trong đó, hoạt động tiêu dùng được củng cố bởi: (1) tỷ lệ thất nghiệp thấp; (2) tình hình tài chính của người tiêu dùng được cải thiện do hưởng lợi từ giá trị cổ phiếu và bất động sản đều tăng mạnh trong thời gian; (3) sức mua tiêu dùng thực dần được cải thiện khi lạm phát hạ nhiệt; (4) các khoản tiết kiệm của các hộ gia đình vẫn tương đối dồi dào.
 - Trong khi đó, nhiều nhà phân tích bày tỏ lo ngại về việc tăng trưởng tiêu dùng trong thời gian phần lớn chịu sự ảnh hưởng của các hộ gia đình thuộc nhóm thu nhập bình quân trung cao thì dữ liệu tiêu dùng thông qua thẻ tín dụng đến từ Bank of America ghi nhận hành vi tiêu dùng tương đối ổn định trong mọi nhóm thu nhập khác nhau.
 - Báo cáo đến từ Mastercard SpendingPulse đồng thời chỉ ra doanh số bán lẻ không bao gồm ô tô đã tăng trưởng 3,4% trong sự kiện Black Friday (29/11/2024) khi so sánh với cùng kỳ năm trước. Tại đây, hành vi tiêu dùng phản ánh một số xu hướng như: (1) người tiêu dùng tiếp tục quan tâm về giá các mặt hàng cùng các chương trình khuyến mãi; (2) hoạt động tiêu dùng đang trở nên tích cực hơn trong các mùa mua sắm nói chung.
 - **Tân Tổng thống Donald Trump đã đề cử Scott Bessent vào vị trí Bộ trưởng Bộ Tài chính thứ 79 của Hoa Kỳ. Trong đó, ông Bessent là người ủng hộ cải cách thuế và giảm bớt các quy định, đặc biệt là để thúc đẩy hoạt động cho vay tại ngân hàng và sản xuất năng lượng nhiều hơn.** Thị trường trái phiếu chính phủ đã nhanh chóng phản ứng với sự kiện lần này khi lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm của Mỹ đã giảm 22 điểm cơ bản kể từ ngày 23/11 về mức 4,15% - mức thấp nhất kể từ ngày 26/10.
- **Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) đều tăng thêm 20 điểm cơ bản trong tháng 10, ghi nhận lần lượt 2,6% YoY và 2,3% YoY** trong bối cảnh hiệu ứng giảm phát đến từ sự sụt giảm của giá dầu trong thời gian qua đã dần suy giảm. Trong khi đó, CPI cơ bản giữ nguyên mức tăng so với tháng trước còn PCE cơ bản tăng nhẹ từ 2,7% lên 2,8% YoY.
 - Trong một bài phát biểu gần nhất, **Chủ tịch Fed Jerome Powell đã đưa ra tín hiệu về lộ trình hạ lãi suất chậm hơn trong thời gian tới** khi các rủi ro suy yếu trong thị trường lao động đã giảm đi đáng kể trong khi tăng trưởng và lạm phát vẫn đang duy trì mạnh mẽ hơn kỳ vọng ban đầu.
 - **Tỷ lệ thất nghiệp bất ngờ bật tăng từ 4,1% lên 4,2% trong tháng 11.**
 - **Báo cáo việc làm phi nông nghiệp (NFP) ghi nhận hơn 227 nghìn việc làm mới trong tháng 11;** cao hơn đáng kể so với con số 36 nghìn việc làm trong tháng 10 (trước khi điều chỉnh, con số này chỉ đạt 12 nghìn) do chịu ảnh hưởng của các đợt bão như Helene và Milton. Nhóm doanh nghiệp tư nhân ghi nhận tăng thêm 194 nghìn việc làm. Tuy nhiên, tín hiệu phục hồi của thị trường lao động đồng thời củng cố quan điểm của Chủ tịch Fed Powell về việc không cần phải vội vàng hạ lãi suất.
 - Số lượng việc làm mới trong tháng 11 phần lớn đến từ việc các công nhân tại Boeing đã trở lại nhà máy (+32 nghìn) sau khi đình công vào tháng trước dẫn đến việc nhóm ngành sản xuất mất đi 41,5 nghìn việc làm trong tháng 10. Một số nhóm ngành khác có mức đóng góp lớn là Giáo dục và Y tế (+79,000, tăng từ mức 67,000 của tháng 10) và Nhà hàng khách sạn (+53,000 so với mức tăng vốn vẹn gần 2,000 của tháng 10).

Đánh giá: Hoa Kỳ tiếp tục khẳng định vị thế “American Exceptionalism” khi liên tiếp thu hút dòng vốn đầu tư trên toàn cầu trong khi khối ngoại vẫn duy trì trạng thái rút ròng ở phần còn lại của thế giới. Các hoạt động kinh tế vẫn đang duy trì động lực tăng trưởng mạnh mẽ với hoạt động sản xuất và tiêu dùng đều phục hồi tích cực sau các gián đoạn chịu ảnh hưởng bởi các đợt bão trong khi niềm tin tiêu dùng càng được củng cố khi lạm phát đang dần ổn định và hạ nhiệt. Tuy nhiên, sự kết hợp giữa tăng trưởng của các động lực kinh tế, thị trường lao động ổn định và lạm phát có phần dai dẳng so với kỳ vọng ban đầu có khả năng sẽ làm chậm lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed trong năm 2025.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu (tiếp theo)

TÍCH CỰC

- Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) hạ lãi suất 25 điểm cơ bản về 4,75%, phù hợp với kỳ vọng chung của thị trường. Tuy nhiên, BOE đã buộc phải hạ lãi suất trong bối cảnh CPI tăng tốc trong tháng 10 với mức tăng +2,3% YoY (T9: +1,7%) trong khi CPI cơ bản tăng từ 3,2% lên 3,3% YoY.

TIÊU CỰC

- Tăng trưởng GDP trong 3Q24 tại UK giảm tốc về 0,1% QoQ (2Q24: +0,5% QoQ) trong bối cảnh các hoạt động sản xuất, xây dựng và tiêu dùng đều ghi nhận tăng trưởng âm trong tháng 9 hoặc giảm tốc đáng kể khi so sánh với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, sản lượng công nghiệp và đơn đặt hàng xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng âm lần lượt -1,8% YoY và -0,4% YoY trong tháng 9. Trong khi đó, doanh số bán lẻ giảm tốc với tăng trưởng 2,4% YoY trong tháng 10 (tháng 9: +3,2% YoY).
- Hoạt động sản xuất tại UK tiếp tục bị thu hẹp khi PMI sản xuất giảm từ 49,9 điểm về 48 điểm trong tháng 11, theo ước tính đến từ S&P Global. Trong khi đó, PMI Dịch vụ đồng thời giảm từ 52 điểm về 50,8 điểm trong cùng giai đoạn.
- Hoạt động sản xuất tại EA tiếp tục suy yếu với các đầu tàu kinh tế như Đức và Pháp đều ghi nhận PMI sản xuất lần lượt là 43 điểm và 43,1 điểm trong tháng 11. Qua đó, khiến PMI sản xuất đối với EA giảm từ 46 điểm về 45,2 điểm.
- Trong khi đó, hoạt động dịch vụ bắt đầu có dấu hiệu suy yếu khi PMI dịch vụ đối với EA giảm từ 51,6 điểm về 49,5 điểm; bên cạnh là Đức với PMI Dịch vụ giảm từ 51,6 về 49,3 điểm và Pháp ghi nhận PMI dịch vụ giảm từ 49,2 về 46,9 điểm.
- Sản lượng công nghiệp tại khu vực đồng Euro (EA) giảm mạnh trong tháng 9 sau khi ghi nhận tăng trưởng âm -2,8% YoY (T8: +1,5%) và -2% MoM (T8: -0,1%); phần lớn chịu ảnh hưởng bởi sự suy yếu trong hoạt động sản xuất tại Đức với sản lượng công nghiệp tại quốc gia này tăng trưởng âm -1% MoM trong tháng 10 (T9: -2%).
- CPI đối với EA tăng tốc trong tháng 11 với mức tăng 2,3% YoY (T10: +2%) trong khi CPI cơ bản giữ nguyên tại 2,7% trong bối cảnh hiệu ứng giảm phát từ sự sụt giảm của giá dầu dần suy yếu.
- Chính phủ Pháp đã chính thức sụp đổ sau khi quốc hội Pháp hôm 4/12 đã thông qua bỏ phiếu “bất tín nhiệm” do liên minh cánh tả “Mặt trận bình dân mới” (NFP) đề xuất với sự giúp sức từ đảng cực hữu “Tập hợp quốc gia” (RN), buộc chính phủ của Thủ tướng Michel Barnier phải nộp đơn xin từ nhiệm cũng như Đảng Cánh tả “nước Pháp bất khuất” yêu cầu Tổng thống Pháp Emmanuel Macron từ chức. Tuy nhiên ngay sau đó, Tổng thống Pháp bác bỏ lời kêu gọi từ chức trên, đồng thời khẳng định sẽ vẫn “hoàn toàn” nắm giữ cương vị nguyên thủ quốc gia Pháp cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ. Sự kiện này diễn ra trong bối cảnh làn sóng biểu tình lan rộng phản đối các chính sách cải cách lương hưu và kinh tế. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 1962 một Chính phủ Pháp sụp đổ do bỏ phiếu bất tín nhiệm. Việc chính phủ tan rã đặt nước Pháp vào tình trạng hỗn loạn chính trị, đe dọa ổn định kinh tế và vai trò lãnh đạo trong Liên minh châu Âu.
- Trong khi đó tại Đức, khủng hoảng năng lượng, lạm phát cao, và chia rẽ nội bộ trong liên minh cầm quyền đã khiến chính phủ của Thủ tướng Olaf Scholz tan rã. Các chính sách kinh tế bị chỉ trích nặng nề, trong khi sự trỗi dậy của các đảng cực hữu đẩy nước Đức vào tình trạng bất ổn.

Châu Âu

Đánh giá: Bất ổn chính trị kết hợp các tín hiệu suy yếu đến từ hoạt động sản xuất, dịch vụ cả về tiêu dùng đã khiến tăng trưởng kinh tế của khu vực Châu Âu nhanh chóng đứng trên bờ vực suy thoái. Tại đây, chúng tôi nhận thấy sức nặng của cuộc chiến Nga - Ukraine đã dần mang đến những hệ lụy khó lường đối với triển vọng tăng trưởng của khu vực Châu Âu khi đứng giữa nhiều nhóm lợi ích kinh tế khác nhau như Nga, Mỹ và Trung Quốc trong đó sự suy yếu trong các hoạt động kinh tế dần khiến người dân quay lưng với nhà cầm quyền khi không đưa ra các giải pháp mang tính cấp thiết nhằm xoay chuyển cục diện vấn đề.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu (tiếp theo)

TÍCH CỰC

- **Xuất khẩu từ Trung Quốc tăng vọt 12,7% (YoY) trong tháng 10 lên mức cao nhất 27 tháng đạt 309,06 tỷ USD, vượt xa dự báo 5% và tăng mạnh từ mức tăng trưởng thấp nhất 5 tháng là 2,4% trong tháng 9.** Đây là tháng tăng trưởng xuất khẩu thứ 7 liên tiếp và là tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 7/2022, khi các nhà sản xuất đẩy mạnh đơn hàng trước khả năng Mỹ và EU áp dụng thêm thuế quan.
- **Doanh số bán lẻ tăng 4,8% YoY trong tháng 10, tăng tốc từ mức 3,2% của tháng trước.** Đây là tốc độ tăng trưởng doanh thu bán lẻ nhanh nhất kể từ tháng 2, được thúc đẩy bởi kỳ nghỉ kéo dài một tuần cùng với lễ hội mua sắm đã diễn ra trong thời gian qua và loạt biện pháp hỗ trợ từ Bắc Kinh kể từ cuối tháng 9 nhằm kích cầu tiêu dùng. Doanh số tăng tốc ở nhiều nhóm hàng như chăm sóc cá nhân, thể thao và giải trí, thiết bị gia dụng, văn phòng phẩm và ô tô. Ngoài ra, hoạt động thương mại đồng thời phục hồi mạnh mẽ đối với các mặt hàng quần áo, giày dép và mũ nón, hàng dệt may, và mỹ phẩm trong bối cảnh doanh số ngũ cốc, dầu ăn và thực phẩm tiếp tục tăng.
- **Tỷ lệ thất nghiệp bất ngờ giảm từ 5,1% xuống 5% trong tháng 10.**

Trung Quốc

TIÊU CỰC

- **Lạm phát ghi nhận mức tăng 0,3% YoY trong tháng 10.** Đây là tháng thứ 9 liên tiếp ghi nhận lạm phát tiêu dùng nhưng đồng thời cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 6, phản ánh rủi ro giảm phát gia tăng bất chấp các biện pháp kích thích của Bắc Kinh cuối tháng 9 nhằm hỗ trợ nền kinh tế hiện đang suy yếu. Trong khi đó, giá phi thực phẩm tiếp tục giảm (-0,3% so với -0,2% trong tháng 9), chủ yếu do chi phí vận tải (-4,8% so với -4,1%) và nhà ở (-0,1% so với -0,1%) tiếp tục suy giảm.
- **Giá sản xuất giảm 2,9% YoY trong tháng 10, sau mức giảm 2,8% của tháng trước.** Đây là tháng thứ 25 liên tiếp ghi nhận giảm phát giá sản xuất và là mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2023, phản ánh nhu cầu nội địa tiếp tục yếu bất chấp những nỗ lực liên tục của Bắc Kinh nhằm đảo ngược xu hướng.
- **Giá nhà mới tại 70 thành phố giảm 5,9% YoY trong tháng 10/2024, sau mức giảm 5,8% của tháng trước.** Đây là tháng giảm thứ 16 liên tiếp và là mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 4/2015, bất chấp những nỗ lực liên tục của Bắc Kinh nhằm giảm thiểu tác động từ sự suy yếu kéo dài trong lĩnh vực bất động sản, bao gồm giảm lãi suất thế chấp và cắt giảm chi phí mua nhà.

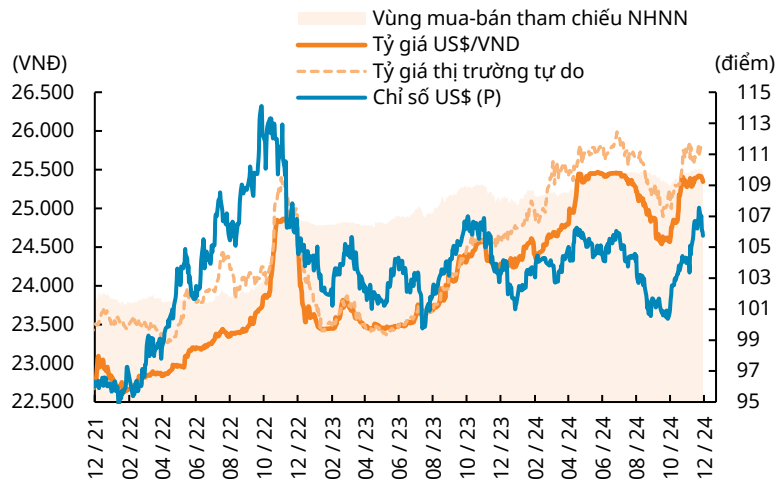
Đánh giá: Các chính sách kích cầu đến từ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) trong tháng 9 đã dần mang lại những thành tựu đầu tiên khi cải thiện doanh số bán lẻ, ổn định lạm phát và giảm tỷ lệ thất nghiệp tại Trung Quốc. Trong khi đó, các nhà xuất khẩu đã và đang tích cực đẩy một lượng lớn ra nước ngoài, đặc biệt là Mỹ, trước khi các chính sách thuế quan mang tính cực đoan được áp dụng đối với Trung Quốc. Tại đây, mức thuế quan lên đến 60% cho toàn bộ mặt hàng được xem là một thách thức lớn đối với triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc trong khi đồng thời khơi mào một cuộc chiến thuế quan rộng ra toàn cầu và mang lại ảnh hưởng ngược đối với tình trạng lạm phát dai dẳng tại Mỹ.

② Thị trường tiền tệ

Tỷ giá tiếp tục neo ở vùng cao nhưng dự kiến sẽ dần hạ nhiệt trong tháng 12

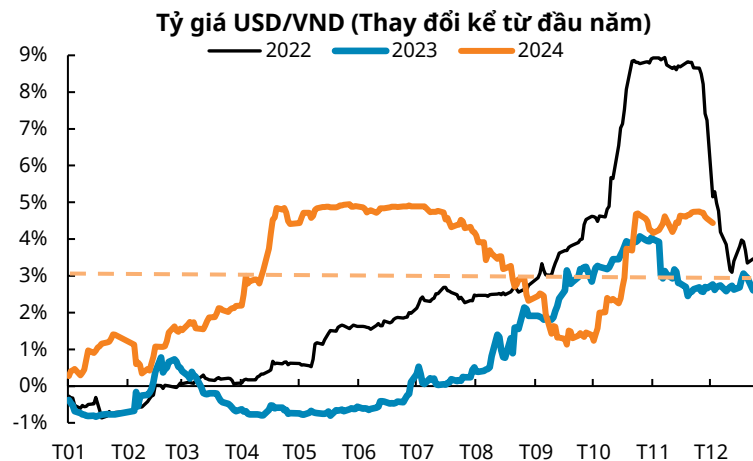
- Tỷ giá USD/VND đã dần ổn định trong tháng 11 với mức mất giá tính từ đầu năm tăng nhẹ lên 4,27% so với mức 4,2% của tháng 10. Trong đó, động thái điều tiết thanh khoản thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) và hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) kết hợp với động thái bán USD thông qua hợp đồng giao ngay đã cho thấy những hành động kịp thời và quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong bối cảnh các yếu tố biến động từ bối cảnh vĩ mô thế giới đang dần hạ nhiệt.
- Trong giai đoạn từ 1-29/11, NHNN đã phát hành tín phiếu qua OMO với tổng trị giá 21,4 nghìn tỷ đồng, chia làm hai kỳ hạn: kỳ hạn 14 ngày với lãi suất 3,7% và kỳ hạn 28 ngày với lãi suất khoảng 4%. Đồng thời, NHNN điều tiết thanh khoản thông qua RRP với lượng phát hành trị giá 315 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%. Động thái điều tiết thanh khoản này đã đánh dấu bước chuyển quan trọng sang hướng bơm tiền vào hệ thống, sau một thời gian dài rút ròng thông qua tín phiếu.
- Dù đã đưa ra rất nhiều biện pháp can thiệp sớm, căng thẳng trong tỷ giá dự kiến sẽ là một yếu tố cần phải theo dõi trong giai đoạn cuối năm 2024 và xuyên suốt 2025 trong bối cảnh nguồn dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã giảm đáng kể và duy trì ở mức tương ứng khoảng 2,4 tháng nhập khẩu tính đến tháng 8/2024 - thấp hơn ngưỡng 3 tháng theo khuyến nghị của IMF. Trong đó, nguồn dự trữ ngoại tệ thấp cho thấy bộ đệm dùng cho việc can thiệp tỷ giá đã không còn dồi dào như trước.
- Dự kiến các đợt cắt lãi suất của Fed trong năm 2025 sẽ tạo điều kiện phù hợp cho NHNN trong hoạt động để tái tích lũy nguồn dự trữ ngoại hối và có thêm dư địa để hạ lãi suất điều hành. Nhìn về phía trước, một số yếu tố thuận lợi cho thấy tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định trong tháng 12: (1) Mặc dù đã đưa ra thông báo bán USD thông qua hợp đồng giao ngay từ nguồn dự trữ ngoại hối, việc không thực hiện can thiệp thực tế trong bối cảnh áp lực vẫn đang duy trì cho thấy có khả năng dòng vốn ngoại đang tích cực chảy về Việt Nam; (2) Lượng kiều hối dự kiến duy trì ở mức tương đương năm trước; (3) Thặng dư thương mại đạt khoảng 23,3 tỷ USD trong 11 tháng đầu năm 2024; (4) Chính sách thắt chặt định lượng tại Mỹ gần kết thúc cùng với lộ trình cắt giảm lãi suất của Fed trong năm 2025.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



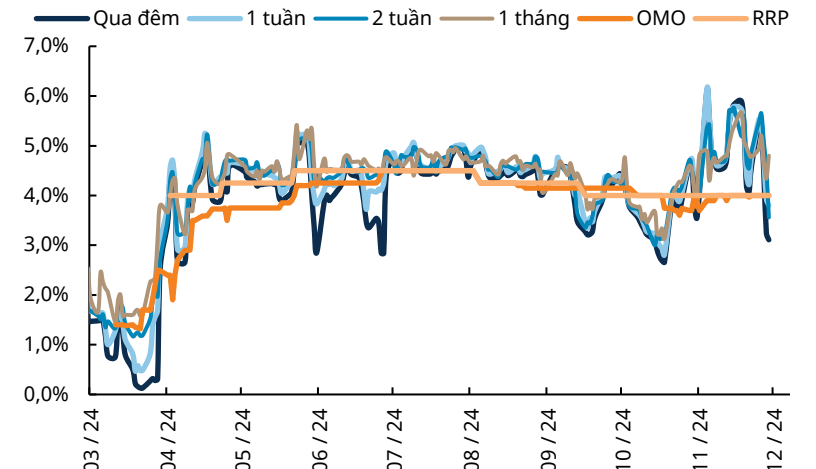
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN; cập nhật tới 29/11/2024

Tỷ giá dần ổn định sau khi NHNN đưa ra thông báo can thiệp tỷ giá bằng cách bán USD thông qua hợp đồng giao ngay



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/11/2024

Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh trong tháng 11



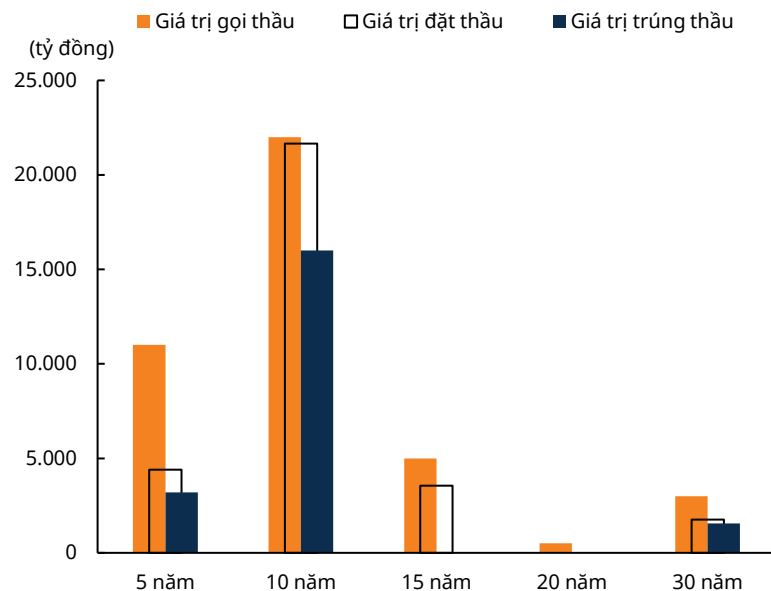
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 29/11/2024

② Thị trường tiền tệ (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

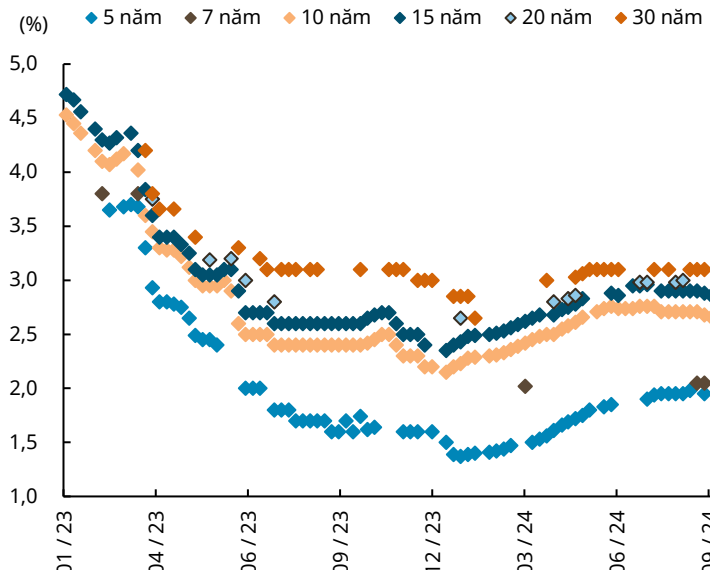
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong tháng 11, Kho bạc Nhà nước thành công huy động 20,7 nghìn tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 50% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt bình quân 0,76x (T10: 1x). Giá trị trúng thầu cho từng kỳ hạn như sau: 5 năm (3,2 nghìn tỷ đồng); 10 năm (16 nghìn tỷ đồng); và 30 năm (1,56 nghìn tỷ đồng).
 - Lũy kế 11 tháng đầu năm, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 322 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt 80,5% kế hoạch của năm 2024.
 - Lợi suất trúng thầu bình quân trong tháng 11 tăng khoảng 2 điểm cơ bản trên mọi kỳ hạn với đường cong lợi suất thể hiện cấu trúc như sau: 5 năm (1,92%), 10 năm (2,68%), và 30 năm (3,15%).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng mạnh đối với kỳ hạn từ 5 đến 20 năm, trong khi trái phiếu ngắn hạn, như các kỳ hạn 1 và 2 năm không có sự thay đổi đáng kể.** Cụ thể, biến động lợi suất như sau: 1 năm (+0,8 bps lên 1,854%), 2 năm (-0,2 bps xuống 1,856%), 5 năm (+5,4 bps lên 1,966%), 7 năm (+8,5 bps lên 2,277%), 10 năm (+6 bps lên 2,757%), 15 năm (+7,6 bps lên 2,964%), 20 năm (+1,6 bps lên 3,008%), và 30 năm (3,163%).

Tổng giá trị trúng thầu trong tháng 11



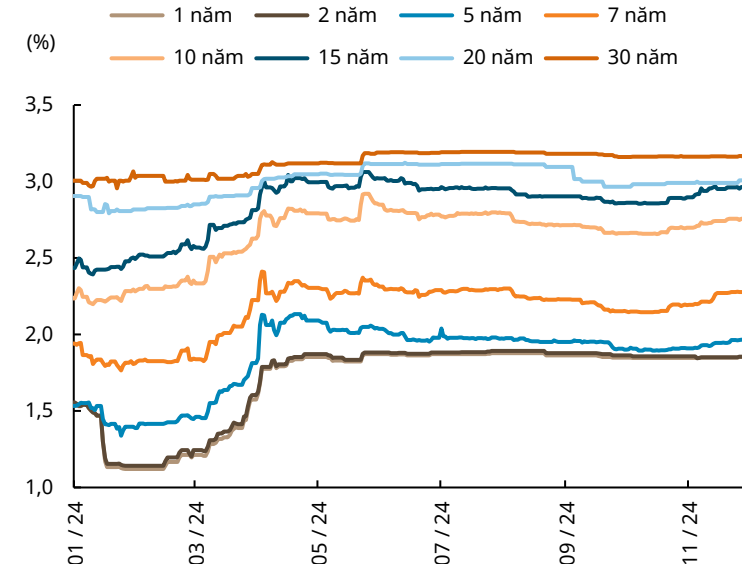
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 27/11/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 27/11/2024

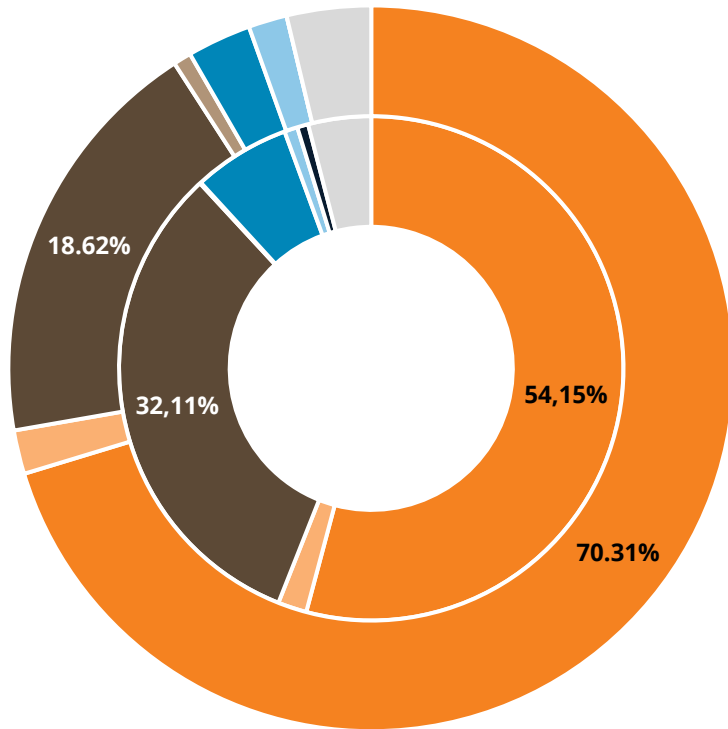
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo ngành trong năm 2024 (YTD)



- Tổ chức tín dụng
- Bất động sản
- Sản xuất
- Năng lượng
- Dịch vụ tài chính
- Xây dựng
- Thương mại, dịch vụ
- Lĩnh vực khác

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024. Vòng tròn bên trong thể hiện giá trị phát hành năm 2023, trong khi vòng tròn bên ngoài biểu thị dữ liệu năm 2024.

- **Phát hành mới:** Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận 50 đợt phát hành riêng lẻ trong tháng 11, với tổng giá trị phát hành đạt 44,6 nghìn tỷ đồng.
 - Phần lớn khối lượng phát hành đến từ các ngân hàng thương mại, như ACB (6,3 nghìn tỷ đồng), HDB (4,6 nghìn tỷ đồng), TCB (3,9 nghìn tỷ đồng), EIB (3,5 nghìn tỷ đồng), BAB (3 nghìn tỷ đồng), MSB (2,5 nghìn tỷ đồng), và VCB (2 nghìn tỷ đồng). Các doanh nghiệp bất động sản như VHM (4 nghìn tỷ đồng), Vạn Hương Investoco (2 nghìn tỷ đồng), CTCP Quản lý Bất động sản Việt Nam (1,7 nghìn tỷ đồng), NLG (1 nghìn tỷ đồng), và IDI (1 nghìn tỷ đồng) cũng đóng góp đáng kể, cùng với các doanh nghiệp như VJC (1 nghìn tỷ đồng) và VDS (0,9 nghìn tỷ đồng).
 - **Tính từ đầu năm, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã đạt 355 nghìn tỷ đồng (tăng 49,5% so với cùng kỳ).**
- **Mua lại trước hạn:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ghi nhận 52 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn trong tháng 11 với tổng giá trị đạt 5,75 nghìn tỷ đồng.
 - Các ngân hàng thương mại dẫn đầu xu hướng này, với OCB (1,8 nghìn tỷ đồng), ABB (1,3 nghìn tỷ đồng) và TPB (0,34 nghìn tỷ đồng) đi đầu. Các tổ chức phi ngân hàng đáng chú ý tham gia vào hoạt động mua lại trước hạn bao gồm Phong Điện Yang Trung (0,65 nghìn tỷ đồng) và Bất động sản Cát Liên Hoa (0,64 nghìn tỷ đồng). **Tổng giá trị mua lại sớm từ đầu năm đạt 168 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên con số này giảm 16% so với cùng kỳ với động thái mua lại trước hạn đến từ các tổ chức tín dụng chiếm gần 73% tổng giá trị. Các lĩnh vực bất động sản và sản xuất đứng sau, lần lượt đóng góp 13% và 5,4%.**
 - Điểm nhấn trong hoạt động mua lại trái phiếu trước hạn ghi nhận các tổ chức phát hành thuộc các lĩnh vực như Bất động sản Nhà ở, Năng lượng và dịch vụ đã hoàn trả tổng cộng 1.148 tỷ đồng tiền nợ gốc cho các trái chủ; tiêu biểu như việc Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Cát Liên Hoa, Địa ốc Mai Viên, Neo Floor và Phong Điện Yang Trung đã hoàn trả toàn bộ số tiền gốc còn lại của một số trái phiếu cho các trái chủ. Ở chiều ngược lại, Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA) tiếp tục huy động đợt trái phiếu lần thứ 5 trong năm 2024 với tổng giá trị huy động trong năm đạt gần 3,3 nghìn tỷ đồng nhằm thanh toán các khoản nợ trái phiếu sắp đến hạn; đáng lưu ý, đây đều là các khoản trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và không phải là khoản nợ thứ cấp của doanh nghiệp (trái phiếu “4 không”). Điều này cho thấy các áp lực về nợ trái phiếu đáo hạn tiếp tục tạo sức ép đối với các doanh nghiệp bất động sản (đặc biệt là các khoản nợ đến từ các khoản trái phiếu “3 không” – không xếp hạng tín nhiệm, không bảo lãnh thanh toán và không có tài sản bảo đảm), vốn đã từng gặp khó khăn khi thị trường bất động sản rơi vào trạng thái bất động do vấn đề về pháp lý, khả năng hấp thụ dự án mới suy giảm và tình trạng vỡ nợ trái phiếu hoặc buộc phải thương lượng với trái chủ nhằm dời thời hạn thanh toán.
- **Lịch đáo hạn:**
 - **Khoảng 50 trái phiếu dự kiến sẽ đáo hạn trong tháng 12/2024, với tổng giá trị đáo hạn đạt khoảng 39 nghìn tỷ đồng.** Cụ thể, khoảng 8,5 nghìn tỷ đồng đến từ lĩnh vực sản xuất; 7 nghìn tỷ đồng từ các doanh nghiệp xây dựng; 7 nghìn tỷ đồng khác từ lĩnh vực bất động sản; và các ngân hàng thương mại chiếm gần 6 nghìn tỷ đồng. **Trong đó có khoảng 16 trái phiếu đến từ 15 doanh nghiệp khác nhau có khả năng sẽ không thể thanh toán đúng hạn và có thể sẽ cần phải dời thời hạn thanh toán theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP.** Điểm chung của các doanh nghiệp này bao gồm (1) phần lớn đều hoạt động trong lĩnh vực phát triển bất động sản; (2) thiếu minh bạch trong việc công bố thông tin và không có lịch sử hoạt động; (3) kết quả kinh doanh không khả quan cùng với tỷ lệ đòn bẩy tài chính lớn; (4) từng ghi nhận trái phiếu có trường hợp chậm trả lãi hoặc gốc.
 - Theo VIS Ratings, tổng giá trị trái phiếu chậm trả trên toàn thị trường đạt khoảng 189,4 nghìn tỷ đồng từ tháng 4/2022 đến tháng 11/2024 (tăng thêm 421 tỷ đồng so với tháng 9 đến từ việc CTCP Crystal Bay đưa ra thông báo chậm trả vào ngày 05/11/2024). Nhìn chung, tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 11/2024 giữ ở mức 15,3%. Nhóm Năng lượng có tỷ lệ chậm trả cao nhất ở mức 44%, trong khi nhóm Bất động sản Nhà ở chiếm 60% tổng lượng trái phiếu chậm trả.

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu được phát hành trong tháng 11

Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%pa)	Giá trị huy động (tỷ đồng)
Xây dựng	FCNH2426001	CTCP FECON (HOSE: FCN)	21/10/2024	21/4/2026	11	120
Tổ chức tín dụng	ACBL2426011	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	23/10/2024	23/10/2026	5	500
Tổ chức tín dụng	MSBL2427009	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (HOSE: MSB)	31/10/2024	31/10/2027	5	1500
Tổ chức tín dụng	OCBL2427020	Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB)	30/10/2024	30/10/2027	5,1	1000
Tổ chức tín dụng	HCVCL2426006	Công Ty Tài Chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	30/10/2024	30/10/2026	7	200
Bất động sản	VHMB2427007	CTCP Vinhomes (HOSE: VHM)	31/10/2024	31/10/2027	12	2000
Tổ chức tín dụng	TCBL2427015	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (HOSE: TCB)	30/10/2024	30/10/2027	5	240
Tổ chức tín dụng	CTGL2439014	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (HOSE: CTG)	28/10/2024	28/10/2039	6,5	100
Tổ chức tín dụng	EIBL2427001	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (HOSE: EIB)	30/10/2024	30/10/2027	5,3	1700
Bất động sản	FHTCH2427001	Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến	31/10/2024	31/10/2027	9,8	370
Sản xuất	IDIH2432001	Công ty Cổ phần I.D.I (HOSE: IDI)	31/10/2024	31/10/2032	5,58	1000
Tổ chức tín dụng	BABL2427007	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á (HOSE: BAB)	30/10/2024	30/10/2027	5,3	1000
Tổ chức tín dụng	ACBL2426012	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	30/10/2024	30/10/2026	5	1500
Tổ chức tín dụng	HDBL2432020	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	6/11/2024	6/11/2032	7,47	200
Tổ chức tín dụng	TPBL2434023	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	1/11/2024	1/11/2034	6,88	362
Dịch vụ tài chính	VDSH2425004	CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HOSE: VDS)	9/10/2024	9/10/2025	8,2	900
Lĩnh vực khác	IPAH2429004	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA)	5/11/2024	5/11/2029	9,5	600
Tổ chức tín dụng	BABL2427008	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á (HNX: BAB)	5/11/2024	5/11/2027	5,2	1000
Tổ chức tín dụng	ACBL2426014	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	6/11/2024	6/11/2026	5	2000
Tổ chức tín dụng	ACBL2426013	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	4/11/2024	4/11/2026	5	1500
Tổ chức tín dụng	LPBL2431007	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (HOSE: LPB)	28/10/2024	28/10/2031	7,58	100
Tổ chức tín dụng	HDBL2431021	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	13/11/2024	13/11/2031	7,47	440
Tổ chức tín dụng	TPBL2427024	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	11/11/2024	11/11/2027	5,3	1000
Sản xuất	PKACH2431002	CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	8/11/2024	30/9/2031	8,2	200
Tổ chức tín dụng	MSBL2427010	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (HOSE: MSB)	14/11/2024	14/11/2027	5,1	1000

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

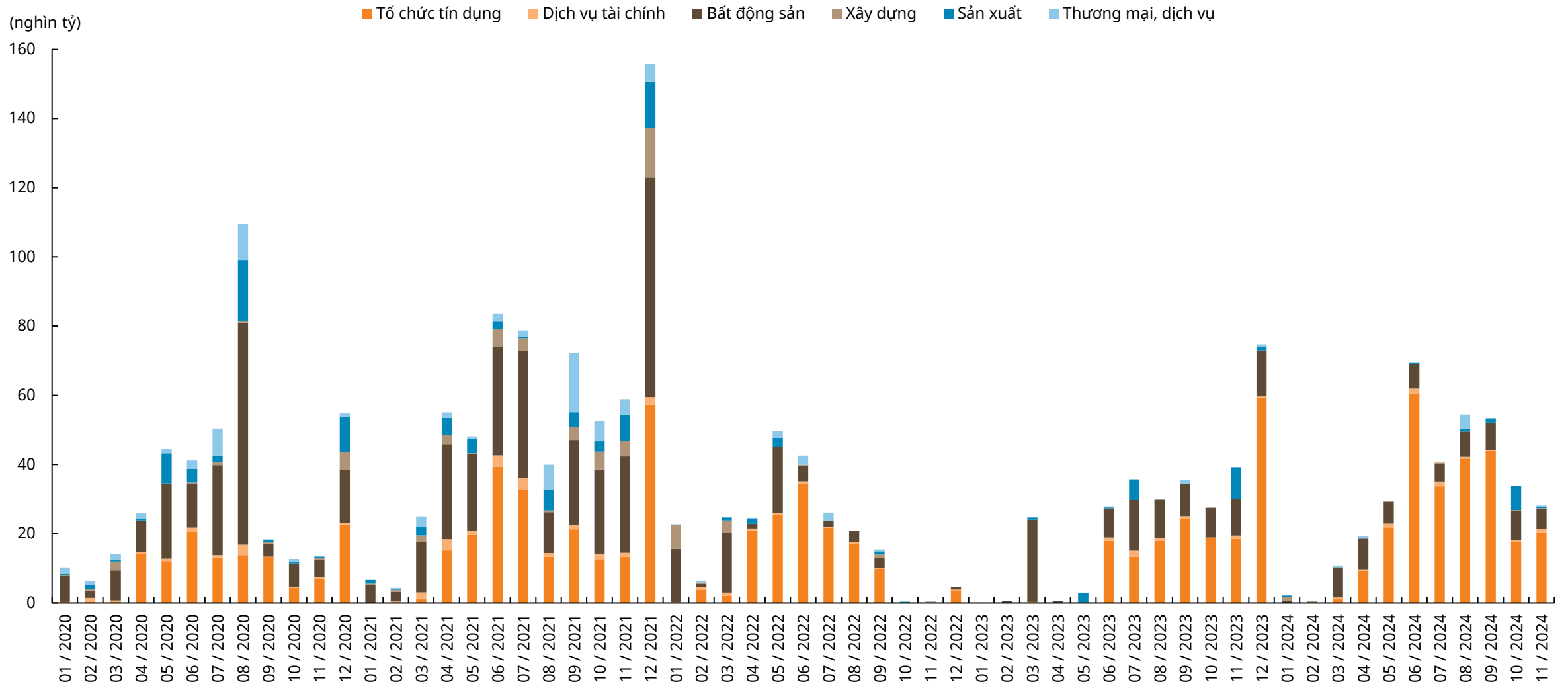
Danh sách trái phiếu được phát hành trong tháng 11

Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%pa)	Giá trị huy động (tỷ đồng)
Tổ chức tín dụng	EIBL2426002	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (HOSE: EIB)	12/11/2024	12/11/2026	5,3	400
Bất động sản	DRGCH2427003	CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	21/10/2024	21/10/2027	10	1998
Tổ chức tín dụng	VCBL2426001	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB)	14/11/2024	14/11/2026	4,9	2000
Tổ chức tín dụng	TPBL2434025	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	14/11/2024	14/11/2034	6	50
Tổ chức tín dụng	LPBL2431008	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (HOSE: LPB)	13/11/2024	13/11/2031	7,58	200
Bất động sản	VHMB2427008	CTCP Vinhomes (HOSE: VHM)	8/11/2024	8/11/2027	12	2000
Tổ chức tín dụng	ABBL2427001	Ngân hàng TMCP An Bình (UPCOM: ABB)	19/11/2024	19/11/2027	5,5	800
Tổ chức tín dụng	TPBL2434026	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (HOSE: TPB)	19/11/2024	19/11/2034	6,88	38
Xây dựng	CIIH2427004	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: CII)	15/11/2024	15/11/2027	10	108
Tổ chức tín dụng	ACBL2429015	Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB)	19/11/2024	19/11/2029	6	800
Lĩnh vực khác	VPMCH2431001	Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Tài sản Việt Nam	12/11/2024	12/11/2031	10	1700
Tổ chức tín dụng	HDBL2432022	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	22/11/2024	22/11/2032	7,47	1000
Bất động sản	HCMCH2429002	Công Ty TNHH Hoàng Trúc My	21/11/2024	21/11/2029	12	880
Tổ chức tín dụng	BABL2427009	Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Bắc Á (HOSE: BAB)	20/11/2024	20/11/2027	5,2	1000
Xây dựng	CIIH2427003	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: CII)	25/10/2024	25/10/2027	11	100
Tổ chức tín dụng	HDBL2432023	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	26/11/2024	26/11/2032	7,47	1000
Thương mại, dịch vụ	VNGB2427001	CTCP Du Lịch Thành Thành Công (HOSE: VNG)	25/11/2024	25/11/2027	10,98	500
Tổ chức tín dụng	TPBL2434027	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	21/11/2024	21/11/2034	6,88	210
Tổ chức tín dụng	HDBL2432024	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	27/11/2024	27/11/2032	7,47	1000
Tổ chức tín dụng	EIBH2429003	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (HOSE: EIB)	27/11/2024	27/11/2029	6,4	1400
Tổ chức tín dụng	HDBL2432025	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: HDB)	28/11/2024	28/11/2032	7,47	1000
Bất động sản	NLGB2427004	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (HOSE: NLG)	28/11/2024	28/11/2027	10,11	1000
Lĩnh vực khác	VJCH2429005	Công Ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet (HOSE: VJC)	29/11/2024	29/11/2029	11	1000
Tổ chức tín dụng	TCBL2427016	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (HOSE: TCB)	27/11/2024	27/11/2027	5	3700
Tổ chức tín dụng	ABBL2426002	Ngân hàng TMCP An Bình (UPCOM: ABB)	28/11/2024	28/11/2026	5,5	200

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

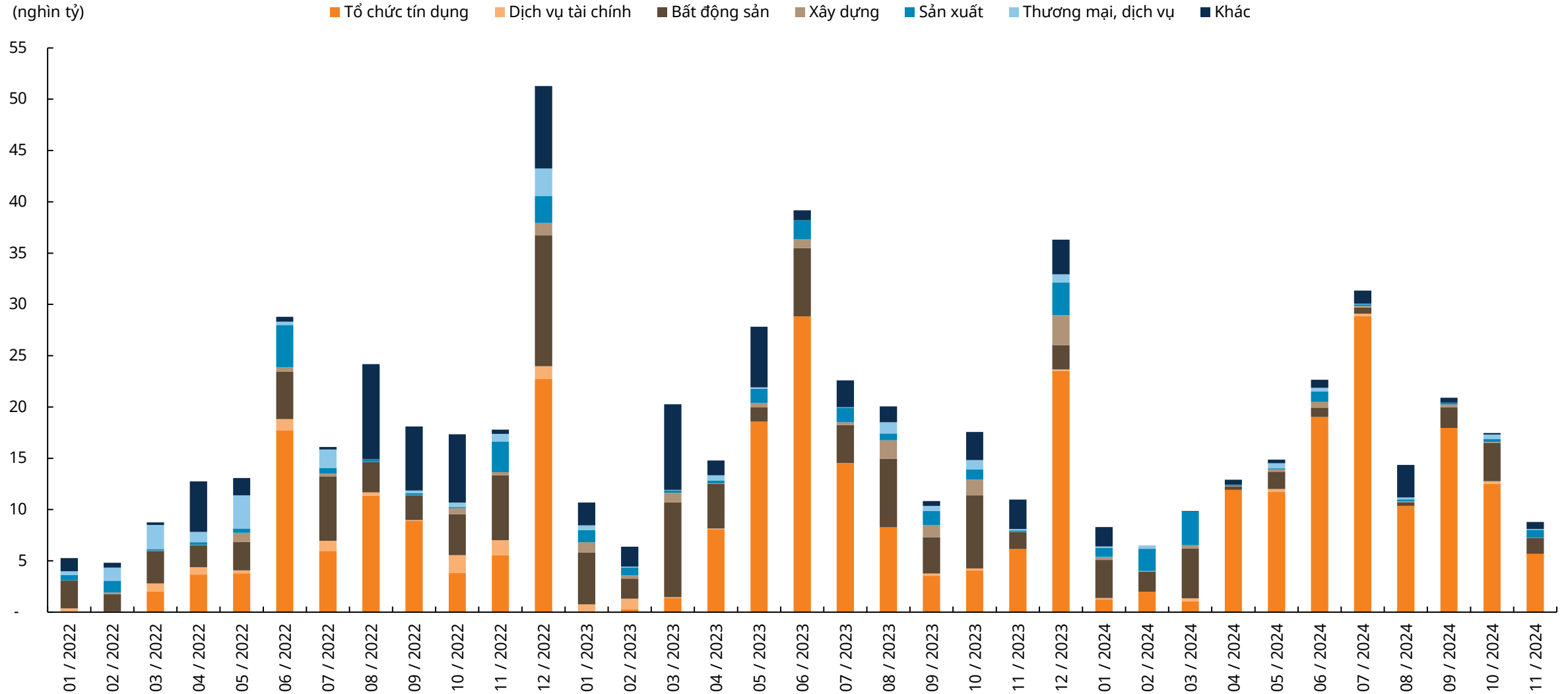
Nhóm các tổ chức tín dụng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành mới trong tháng 11



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

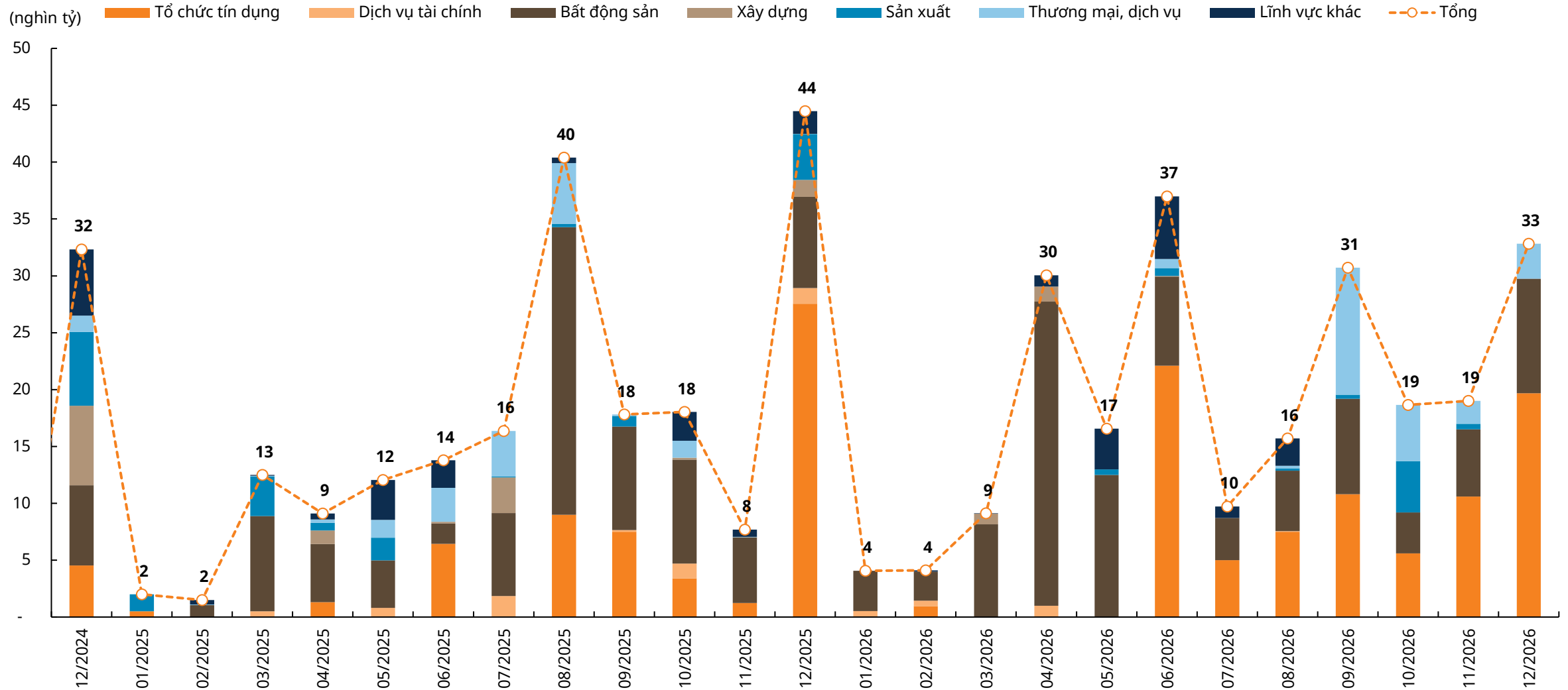
Tổng giá trị mua lại trước hạn đối với trái phiếu doanh nghiệp theo từng ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Lịch đảo hạn trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 07/12/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12

Ngành	Mã trái phiếu	Doanh nghiệp phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	Tổng giá trị (tỷ đồng)
Lĩnh vực khác	VJCH2124006	Vietjet (HOSE: VJC)	01/12/2021	01/12/2024	9.5	1,000
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_15	Vietcombank (HOSE: VCB)	04/12/2018	04/12/2024	7	58
Thương mại, dịch vụ	MCHBONDS2014	Masan Consumer (UPCOM: MCH)	05/12/2014	05/12/2024	8	2,100
Tổ chức tín dụng	ACB.2019.04	ACB (HOSE: ACB)	06/12/2019	29/11/2024	7.1	1,500
Sản xuất	TKV5Y.2019	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	06/12/2019	29/11/2024	9.55	2,000
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_16	Vietcombank (HOSE: VCB)	06/12/2018	29/11/2024	7	30
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_17	Vietcombank (HOSE: VCB)	10/12/2018	10/12/2024	7	14
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_18	Vietcombank (HOSE: VCB)	12/12/2018	12/12/2024	6.35	18
Tổ chức tín dụng	MB.BOND.2017.7Y.13	MBBank (HOSE: MBB)	14/12/2017	14/12/2024	8.4	200
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_19	Vietcombank (HOSE: VCB)	14/12/2018	14/12/2024	6.35	21
Xây dựng	SDICB2124001	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn	15/12/2021	15/12/2024	10	6,575
Bất động sản	BIDCH2124002	Công ty cổ phần BIDGROUP	16/12/2021	16/12/2024	11	330
Bất động sản	CLACH2124003	Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	16/12/2021	16/12/2024	11.5	240
Tổ chức tín dụng	BVBH2124005	NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT (UPCOM: BVB)	17/12/2021	17/12/2024	6	1,000
Bất động sản	DPHCB2124001	Công ty Cổ phần Đại Phú Hòa	17/12/2021	17/12/2024	10.67	3,560
Bất động sản	PHICH2124001	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Hậu	17/12/2021	17/12/2024	11.5	400
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_20	Vietcombank (HOSE: VCB)	18/12/2018	18/12/2024	6.3	37
Lĩnh vực khác	IPAH2124003	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA)	20/12/2021	20/12/2024	9.5	310
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_21	Vietcombank (HOSE: VCB)	20/12/2018	20/12/2024	6.3	18
Thương mại, dịch vụ	GLTCH2124001	CTCP Đầu Tư Và Kinh Doanh Golf Long Thành	21/12/2021	21/12/2024	9.5	1,000
Lĩnh vực khác	HTCH2024001	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Du lịch Hoàng Trường	21/12/2020	21/12/2024	9.3	1,400
Tổ chức tín dụng	MB.BOND.2017.7Y.14	MBBank (HOSE: MBB)	22/12/2017	22/12/2024	8.4	600
Xây dựng	VC2H2124002	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	22/12/2021	22/12/2024	11.5	110
Lĩnh vực khác	SBPCB2124001	Công ty Cổ phần Sunbay Ninh Thuận	23/12/2021	23/12/2024	9.5	0
Lĩnh vực khác	SBPCB2124002	Công ty Cổ phần Sunbay Ninh Thuận	23/12/2021	23/12/2024	9.5	655
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_22	Vietcombank (HOSE: VCB)	24/12/2018	24/12/2024	6.3	12

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,

Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024. Các trái phiếu sắp đáo hạn **được in đậm** nhằm đánh dấu các khoản trái phiếu có khả năng sẽ gặp rủi ro thanh toán hoặc rơi vào tình trạng chậm trả.

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12

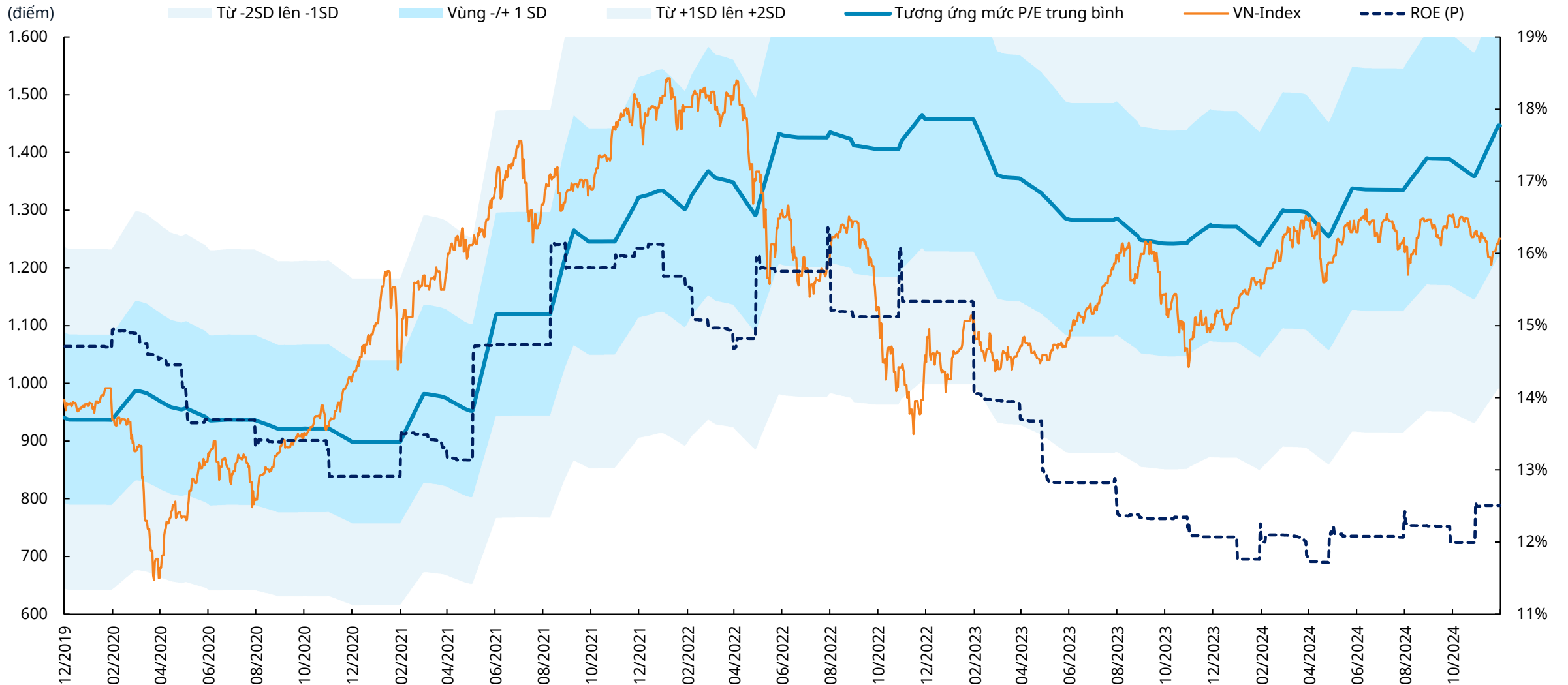
Ngành	Mã trái phiếu	Doanh nghiệp phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	Tổng giá trị (tỷ đồng)
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_23	Vietcombank (HOSE: VCB)	26/12/2018	26/12/2024	6.3	64
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL6_2018_8	Vietcombank (HOSE: VCB)	26/12/2018	26/12/2024	6.3	5
Lĩnh vực khác	DPWCB2324001	Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	26/12/2023	26/12/2024	11	50
Sản xuất	VIFCB2124004	CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	27/12/2021	27/12/2024	9.25	5,000
Lĩnh vực khác	VJCH2124007	Vietjet (HOSE: VJC)	27/12/2021	27/12/2024	9.5	3,000
Tổ chức tín dụng	HDB1924_07	NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	27/12/2019	28/12/2024	8.5	2
Tổ chức tín dụng	MB.BOND.2017.7Y.16	MBBank (HOSE: MBB)	28/12/2017	28/12/2024	8.45	25
Tổ chức tín dụng	SEABOND14.24-003	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	27/12/2014	28/12/2024	8	400
Tổ chức tín dụng	VCB_BOND_RL06_2018_24	Vietcombank (HOSE: VCB)	28/12/2018	28/12/2024	6.3	120
Sản xuất	VIFCB2124003	CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	28/12/2021	28/12/2024	9	1,500
Tổ chức tín dụng	BIDL2224027	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)	29/08/2022	29/12/2024	5.2	1,500
Thương mại, dịch vụ	F88CH2324003	Công ty cổ phần kinh doanh F88	29/12/2023	29/12/2024	11.5	150
Lĩnh vực khác	80A	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	30/12/2019	30/12/2024	10	72
Lĩnh vực khác	80B	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	27/03/2020	30/12/2024	10	72
Tổ chức tín dụng	BAB1924.0202_3012	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	30/12/2019	30/12/2024	7.2	500
Thương mại, dịch vụ	CGGCH2124001	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ Việt Mỹ A&V	30/12/2021	30/12/2024	12	283
Bất động sản	HDCH2224002	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HOSE: HDC)	30/12/2022	30/12/2024	11.5	70
Bất động sản	LACCH2124001	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ Hoa Lâm An	30/12/2021	30/12/2024	11.5	700
Lĩnh vực khác	NTGCH2124002	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ngọc Thiên Global	30/12/2021	30/12/2024	11.5	453
Bất động sản	CKGH2124001	CTCP Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang	31/12/2021	31/12/2024	10	500
Xây dựng	DFFH2124002	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT	31/12/2021	31/12/2024	10.5	300
Bất động sản	HPX122018	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI PHÁT (HOSE: HPX)	31/12/2018	31/12/2024	10.5	300
Bất động sản	NWCCH2124001	Công ty TNHH New World Capital	31/12/2021	31/12/2024	11	100
Bất động sản	PAICH2124001	Công ty Cổ phần Nông nghiệp sạch Phú Sơn	31/12/2021	31/12/2024	11.5	350
Bất động sản	SRSCH2124002	CTCP Đầu Tư Và Xây Dựng Sunrise Việt Nam	31/12/2021	31/12/2024	11	500

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,

Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 29/11/2024. Các trái phiếu sắp đáo hạn **được in đậm** nhằm đánh dấu các khoản trái phiếu có khả năng sẽ gặp rủi ro thanh toán hoặc rơi vào tình trạng chậm trả.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index tiếp tục giảm điểm trong tháng 11 trong bối cảnh thiếu vắng các động lực tăng trưởng mới và nhà đầu tư dần chốt lời đối với nhóm cổ phiếu Ngân hàng



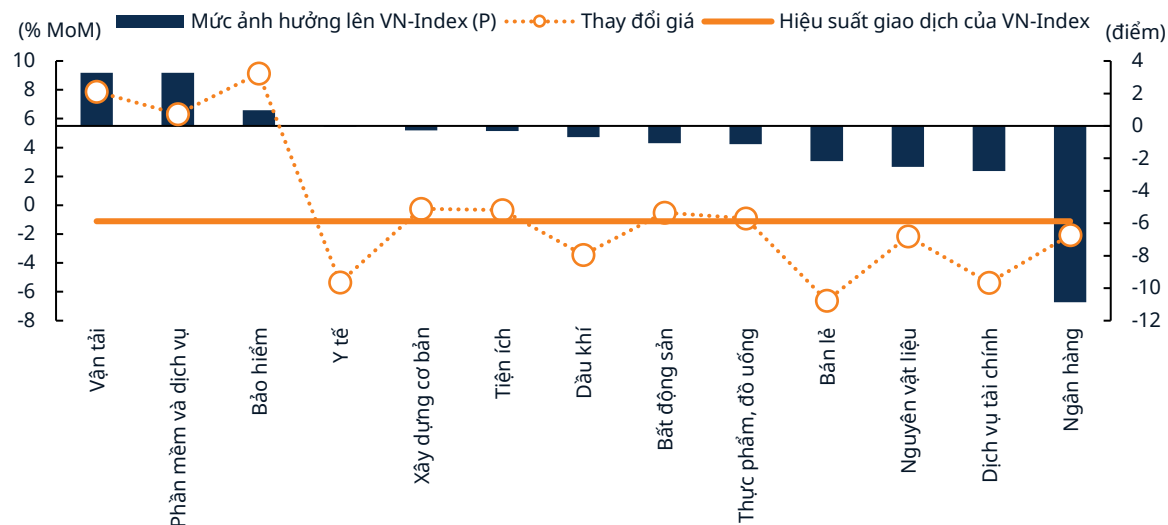
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/11/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thị trường tiếp tục phân hóa khi thiếu vắng các động lực tăng điểm mới ngoài nhóm Ngân hàng

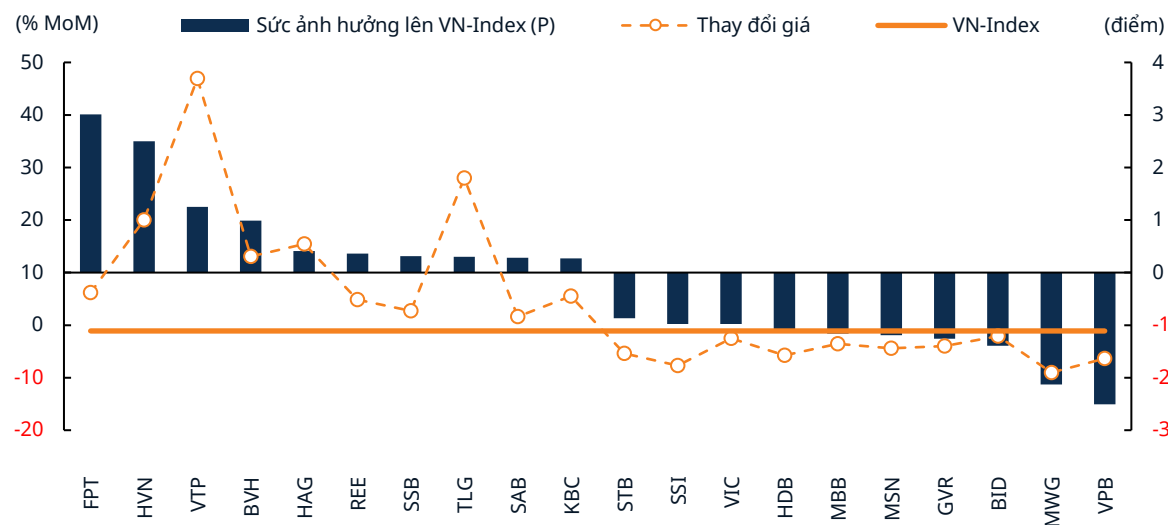
- VN-Index tiếp tục suy yếu trong tháng 11 sau khi liên tiếp thất bại trước ngưỡng kháng cự tâm lý 1.300 điểm, dẫn đến thanh khoản thị trường duy trì ở mức thấp xuyên suốt trong tháng. **Mặc dù lực cầu có dấu hiệu cải thiện trong nửa cuối của tháng, song chưa đáp ứng các điều kiện đủ để thay đổi bối cảnh giao dịch chung với chỉ số sàn HOSE kết thúc tháng 11 với mức suy giảm 14 điểm (-1,11% MoM).**
- Áp lực điều chỉnh của thị trường phần nào được hấp thụ bởi đà tăng đến từ nhóm Vận tải và Bảo hiểm, cùng với đó là diễn biến tích cực của một số cổ phiếu tiêu biểu như FPT và VTP. Tuy nhiên, tâm lý giao dịch chung vẫn duy trì xu hướng thận trọng, với áp lực bán tập trung chủ yếu vào nhóm Ngân hàng, đóng góp phần lớn áp lực giảm điểm trong nhịp điều chỉnh của tháng 11. Trong đó, đà tăng từ đầu năm của nhóm cổ phiếu Ngân hàng dần có dấu hiệu hạ nhiệt, với nhiều mã bluechip hiện đã và đang giao dịch tiệm cận tại vùng đỉnh lịch sử. Mặc dù mức định giá vẫn còn tương đối hấp dẫn, song động lực tăng trưởng của ngành đã suy giảm đáng kể, không còn tạo được sức hút như trong các quý đầu năm và đồng thời khiến cho dòng tiền có xu hướng đứng ngoài và chờ đợi các tín hiệu rõ ràng hơn.
- Bên cạnh đó, thị trường còn chịu ảnh hưởng từ sự vắng bóng của các câu chuyện tăng trưởng mới tại các nhóm ngành có tỷ trọng vốn hóa lớn, bao gồm Bất động sản, Nguyên vật liệu, Dịch vụ tài chính, Bán lẻ và F&B; góp phần khiến thị trường thiếu đi các động lực tăng điểm cần thiết và giảm sự phụ thuộc vào nhóm Ngân hàng.
- Ngoài ra, **tác động từ dòng vốn đầu tư toàn cầu cũng là yếu tố đáng lưu ý trong tháng 11 khi diễn biến trầm lắng của thị trường Việt Nam đồng thời phản ánh xu hướng chung trên các sàn giao dịch tại châu Á trong bối cảnh dòng vốn đầu tư có xu hướng dịch chuyển về các cơ hội đầu tư hấp dẫn hơn tại các thị trường mang trong mình câu chuyện tăng trưởng riêng biệt như Mỹ và Trung Quốc.** Trong đó, xu hướng tái cơ cấu vốn toàn cầu này đã tác động đến đà suy giảm trên diện rộng của các thị trường chứng khoán châu Á trong tháng 11.

Đánh giá diễn biến tháng 11: Dòng tiền vẫn chưa trở lại trong bối cảnh thiếu vắng động lực mới



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/11/2024.

FPT cùng nhóm cổ phiếu Vận tải giúp kiềm hãm áp lực giảm điểm trong tháng 11



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/11/2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong tháng 11 và kết quả kinh doanh quý 3

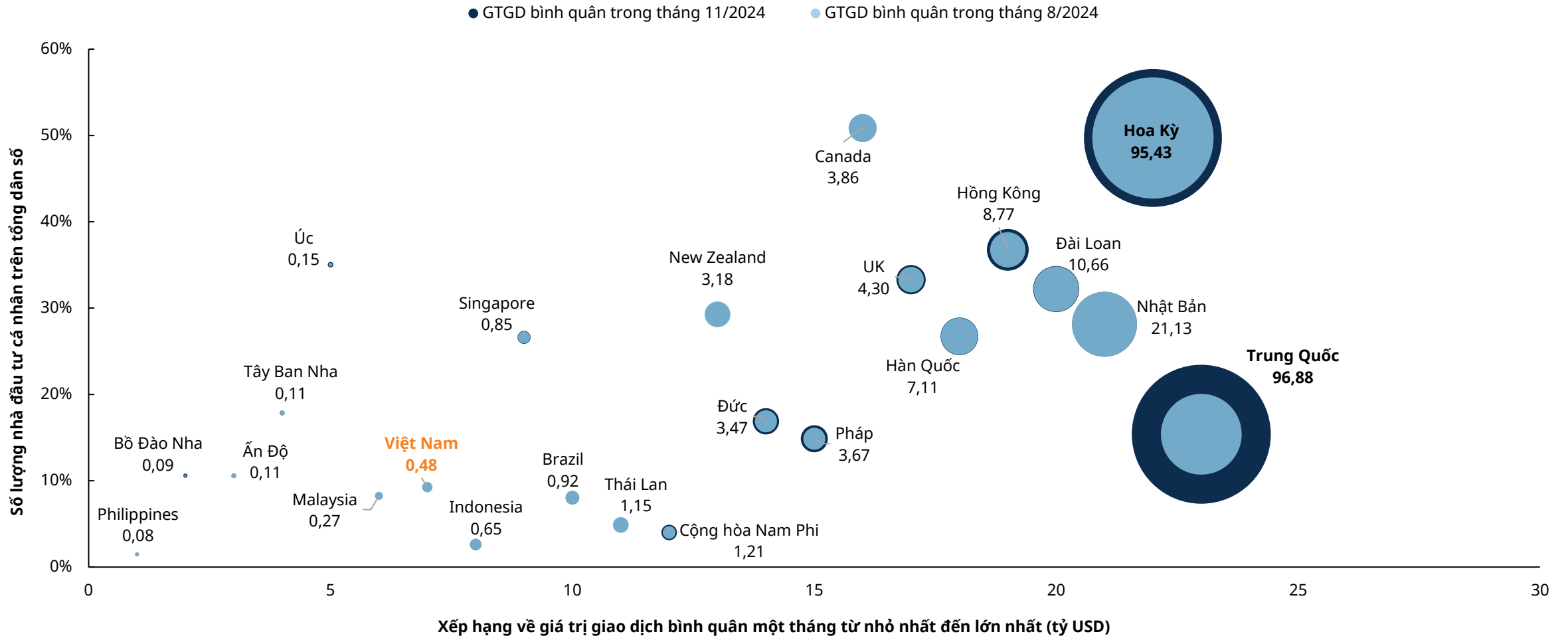
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 1 năm gần nhất	Biến động vốn hóa					Tăng trưởng LNST (YoY)						Tăng trưởng LNST (YoY)				Tăng trưởng LNST (QoQ)			
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	YTD	2019	2020	2021	2022	2023	2024F	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24
Ngân hàng	2.055.740	40,0%		-1,2%	0,0%	4,8%	22,6%	19,5%	30,7%	16,2%	32,5%	35,8%	4,3%	16,9%	24,2%	10,0%	19,0%	16,7%	11,9%	7,1%	4,1%	-6,4%
Bất động sản	657.550	12,8%		-1,4%	-5,5%	-4,0%	-9,0%	-6,6%	39,0%	-0,9%	9,2%	-2,3%	-7,7%	19,3%	-34,2%	-34,3%	-73,2%	48,3%	-43,3%	41,0%	-62,1%	389,6%
Nguyên vật liệu	452.626	9%		-2,1%	-3,2%	-8,7%	20,1%	15,3%	-6,0%	52,5%	116,2%	-47,6%	-42,0%	23,3%	361,3%	90,8%	82,4%	23,9%	40,4%	-3,3%	13,9%	-19,9%
Thực phẩm, đồ uống	423.918	8,2%		-1,7%	-5,8%	-2,8%	4,6%	1,2%	5,9%	-19,6%	34,1%	-12,2%	-24,4%	20,7%	3,8%	28,3%	0,5%	23,2%	-7,2%	-3,9%	32,7%	4,1%
Tiện ích	293.592	5,7%		-0,7%	-10,2%	-8,9%	-5,0%	-0,3%	13,3%	-19,9%	12,5%	47,5%	-29,1%	-43,5%	-25,8%	-55,8%	-23,2%	69,2%	68,1%	-43,6%	58,3%	12,9%
Vận tải	235.690	5%		7,4%	8,5%	1,1%	26,9%	33,1%	-17,9%	-165,5%	-7,7%	24,1%	126,5%	200,8%	94,1%	411,6%	124,2%	548,3%	70,7%	3519,4%	-52,8%	-5,3%
Phần mềm và dịch vụ	225.700	4,4%		6,2%	7,8%	21,7%	79,2%	70,5%	19,3%	13,3%	23,6%	22,1%	21,7%	11,6%	29,6%	20,0%	22,9%	17,5%	3,3%	-2,6%	6,2%	10,0%
Xây dựng cơ bản	219.142	4,3%		-1,0%	-4,4%	-8,5%	9,3%	4,2%	3,4%	6,7%	18,7%	-21,7%	-6,9%	55,4%	74,4%	22,6%	29,2%	9,7%	-7,5%	17,2%	24,8%	-19,0%
Dịch vụ tài chính	198.071	3,8%		-2,5%	-3,4%	-2,6%	18,2%	12,2%	-23,2%	38,3%	151,3%	-54,9%	61,8%	17,2%	479,5%	91,6%	7,6%	2,1%	-9,0%	27,6%	-11,5%	-0,7%
Bán lẻ	119.315	2,3%		-6,1%	-11,0%	-1,8%	54,9%	41,3%	20,1%	0,2%	41,0%	-8,2%	-93,2%	665,6%	-83,1%	710,1%	1534,4%	528,1%	-3,1%	513,8%	24,8%	-15,4%
Dầu khí	79.047	1,5%		-3,6%	-15,2%	-9,5%	6,6%	7,2%	6,3%	-57,4%	70,6%	-31,2%	73,2%	-19,5%	-25,7%	57,2%	26,8%	-36,7%	-5,1%	32,2%	15,1%	-56,2%
May mặc và trang sức	55.943	1,1%		-0,2%	-5,3%	-2,3%	16,4%	12,1%	2,6%	31,9%	13,2%	28,1%	-32,4%	42,6%	33,1%	10,7%	42,5%	35,6%	130,0%	-4,3%	-30,2%	-11,7%
Bảo hiểm	47.953	0,9%		9,0%	2,6%	2,4%	19,2%	17,7%	13,9%	28,5%	27,4%	-19,6%	22,1%	-23,1%	15,1%	13,1%	7,0%	-1,0%	-3,0%	28,6%	-10,6%	-11,2%
Dược phẩm	35.539	0,7%		0,4%	1,6%	1,3%	8,5%	11,9%	3,8%	8,4%	8,0%	24,2%	1,9%	-1,4%	-5,3%	-23,4%	-20,7%	-9,8%	26,8%	-10,0%	-6,1%	-15,9%
VN-Index	5.145.484	100%		-0,7%	-2,4%	-0,2%	1,6%	16,9%	17,0%	-1,2%	38,3%	5,0%	-4,5%	16,9%	16,2%	10,5%	6,2%	27,8%	-0,3%	21,8%	-2,9%	8,4%

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg (cập nhật đến ngày 29/11/2024). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa.

Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Vietnam's stock market (cont'd.)

Số lượng tài khoản mở mới bởi nhóm nhà đầu tư cá nhân tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với hơn 135 nghìn tài khoản mới trong tháng 11, nâng tổng số tài khoản lên hơn 9 triệu (+1,8 triệu YTD).



Nguồn: Tổng hợp từ Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng Công ty Lưu ký và Thanh toán Chứng khoán Trung Quốc (CSDC), Trung tâm Dịch vụ Lưu ký Trung ương Ấn Độ (CDSL), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Hàn Quốc (KSD), Hiệp hội Các Nhà Môi giới Chứng khoán Nhật Bản (JSDA), Khảo sát Tài chính Người tiêu dùng của Cục Dự trữ Liên bang, Cơ quan Quản lý Tài chính (FCA), Sàn Giao dịch Chứng khoán Úc (ASX), Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore (MAS), Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), Ngân hàng Thế giới và Bloomberg.

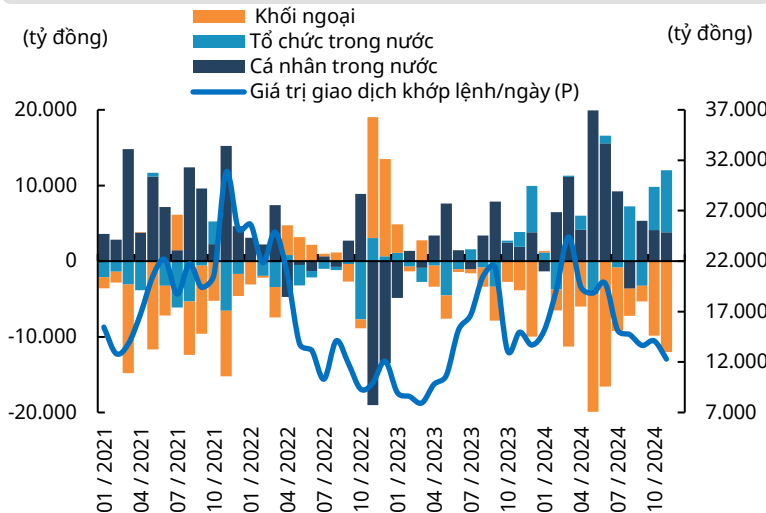
Lưu ý: Dữ liệu được cập nhật tính đến ngày 29/11/2024. Kích thước của các hình tròn thể hiện giá trị giao dịch bình quân ngày trên các thị trường chứng khoán tương ứng, được đo lường theo tháng. Hình ảnh minh họa độ sâu và thanh khoản của thị trường thông qua kích thước tương ứng của các hình tròn, trong đó hình tròn càng lớn thể hiện khối lượng giao dịch càng cao và hoạt động thị trường càng sôi động.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Nhà đầu tư cá nhân trong nước chờ đợi các tín hiệu khả quan hơn

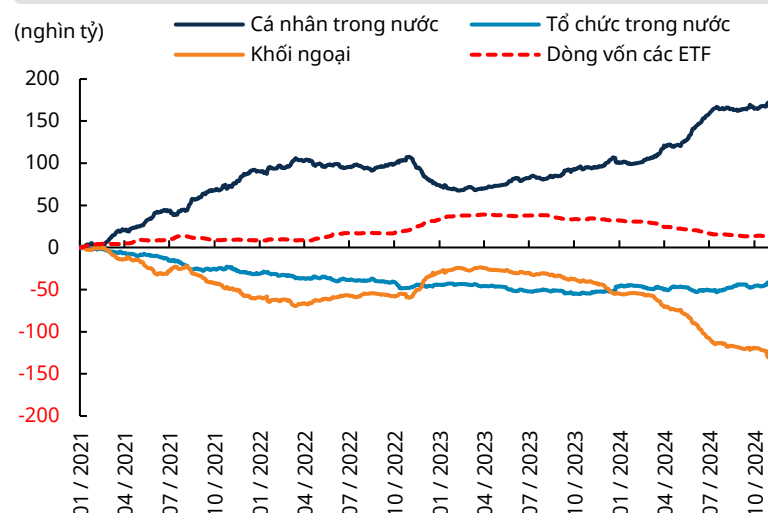
- Trong tháng 11, hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư tiếp tục trở nên ảm đạm với giá trị giao dịch khấp lênh chỉ đạt bình quân khoảng hơn 12 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (-13% MoM). Dù vậy, diễn biến tương tự cũng được ghi nhận tại phần lớn các thị trường chứng khoán khác tại thị trường Châu Á và Châu Âu, phản ánh qua sự suy giảm thanh khoản đáng kể khi so sánh giữa tháng 11 và tháng 8 - thời điểm xảy ra sự kiện Thiên Nga Đen đầu tháng 8, khiến thị trường toàn cầu chìm trong sắc đỏ và rơi vào trạng thái giao dịch hoảng loạn.
- Ngược dòng xu hướng chung, Mỹ và Trung Quốc nổi lên như những điểm sáng hiếm hoi với thanh khoản tăng vọt trong cùng kỳ, thu hút dòng vốn đầu tư đáng kể nhờ các động lực tăng trưởng đặc thù. Tại Mỹ, Fed khởi động chu kỳ nới lỏng tiền tệ, trong khi tân Tổng thống Donald Trump cùng nội các mới mang đến làn gió tích cực. Đồng thời, PBoC triển khai loạt chính sách kích thích kinh tế chưa từng có tiền lệ, nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản, chứng khoán và thúc đẩy tiêu dùng nội địa.
- Đối với thị trường trong nước, thanh khoản ảm đạm cùng với đà giảm liên tiếp của VN-Index trong nửa đầu tháng 11 đã khiến tâm lý nhà đầu tư cá nhân trong nước chuyển biến tiêu cực, chuyển từ vị thế mua ròng sang bán ròng vào cuối tháng, bất chấp sự hồi phục của thị trường. Điểm sáng đáng chú ý là hoạt động mua ròng mạnh mẽ của khối tổ chức trong nước với giá trị hơn 8 nghìn tỷ đồng - mức cao nhất kể từ tháng 12/2019.
- Trong khi đó, khối ngoại đẩy mạnh bán ròng với giá trị hơn 12 nghìn tỷ đồng, đánh dấu tháng bán ròng mạnh nhất kể từ tháng 6/2024. Lũy kế từ đầu năm, khối này đã bán ròng gần 88 nghìn tỷ đồng (tương đương 3,5 tỷ USD). Song song đó, các quỹ ETF tiếp tục xu hướng rút ròng với quy mô 57 triệu USD trong tháng 11, tăng đáng kể so với mức rút ròng khiêm tốn 7 triệu USD của tháng 10. Tính đến 29/11, tổng giá trị rút ròng của các quỹ ETF đã lên đến 815 triệu USD. Đáng chú ý, các quỹ dẫn đầu làn sóng rút vốn trong tháng 11 bao gồm VanEck Vietnam (-25,3 triệu USD), DCVFMVN30 (-11,8 triệu USD), Xtrackers FTSE Vietnam (-8,4 triệu USD) và DCVFMVN Diamond (-8 triệu USD).

Thanh khoản thị trường và mua/bán ròng theo nhóm NĐT



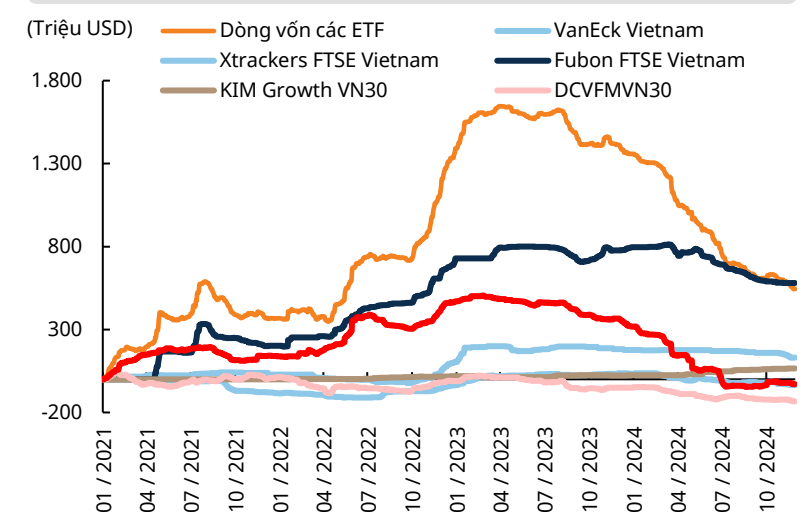
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 29/11/2024.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2021 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 29/11/2024.

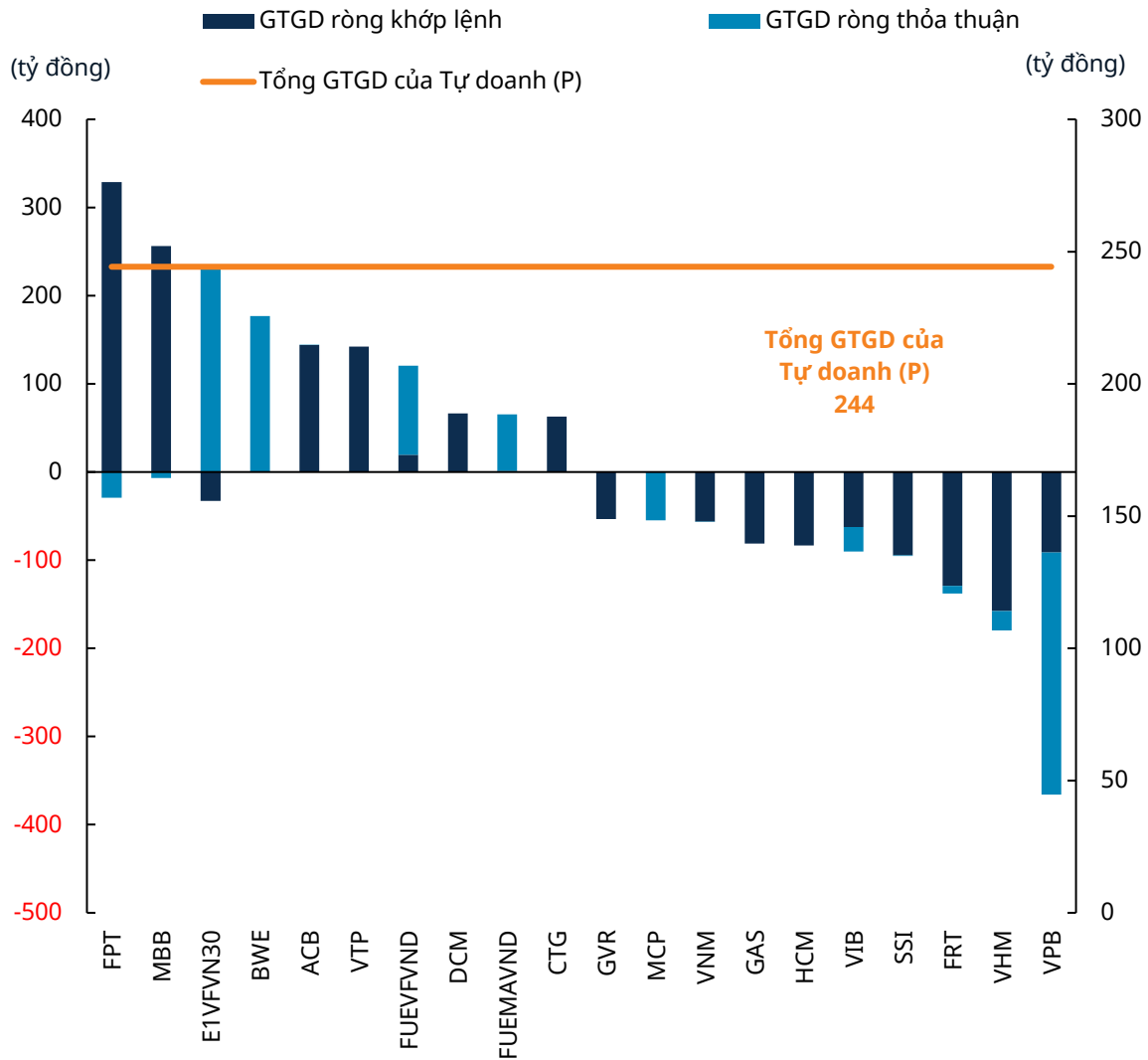
Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2021



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 29/11/2024.

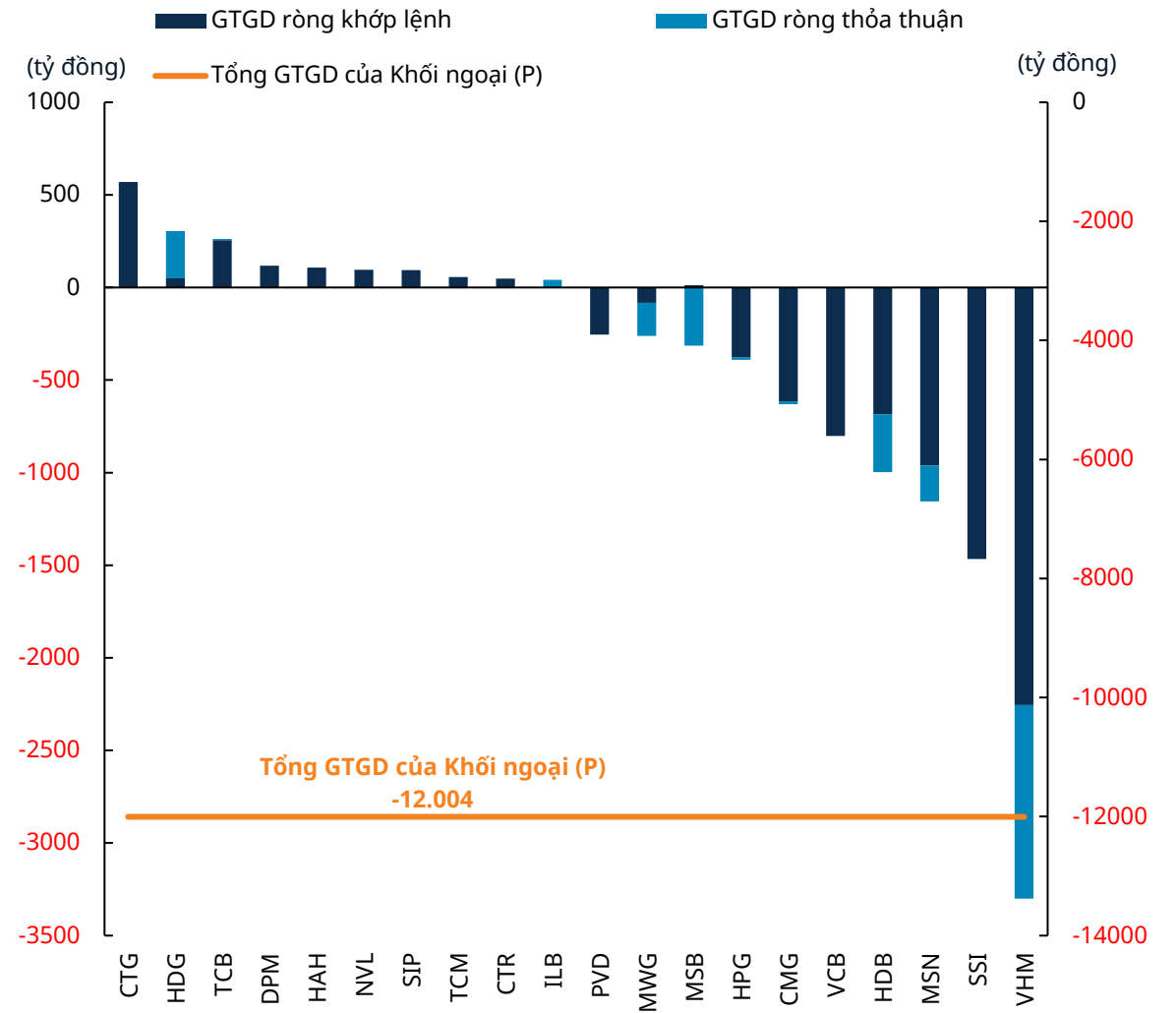
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh trong tháng 11



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 29/11/2024.

Top giá trị giao dịch ròng của khối ngoại trong tháng 11



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 29/11/2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Vượt qua hoài nghi, hướng tới tăng trưởng

- **Triển vọng thị trường tháng 12:**
 - Tính đến thời điểm viết báo cáo, lực cầu được củng cố trong ba tuần liên tiếp kết hợp với phiên giao dịch thăng hoa về đà tăng giá của hàng loạt các nhóm ngành và thanh khoản bùng nổ trong ngày 5/12 đã mở ra nhiều triển vọng tích cực các phiên giao dịch còn lại của tháng 12. Trong đó, VN-Index tìm thấy vùng hỗ trợ tại 1.250 điểm và tiếp đà tăng điểm, đã và đang phù hợp với triển vọng về hành động giá của chúng tôi và dự kiến đà tăng điểm sẽ được tiếp diễn với sự hỗ trợ đến từ các nhóm ngành như Dịch vụ Tài chính, Bán lẻ, Bảo hiểm và Thép. Ở chiều ngược lại, chúng tôi cho rằng nhóm Ngân hàng dù có khả năng sẽ tiếp tục thu hút dòng tiền song hiệu suất giao dịch có khả năng sẽ thấp hơn so với mặt bằng chung trong bối cảnh nhiều cổ phiếu đầu ngành đã và đang giao dịch tại vùng đỉnh lịch sử; dù định giá duy trì sự hấp dẫn song điều này phần nào ảnh hưởng đến tâm lý giao dịch chung và dòng tiền dự kiến sẽ dịch chuyển sang các nhóm ngành có nhiều tiềm năng tăng giá cao hơn.
 - Trong tháng 12, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng dòng tiền sẽ duy trì sự lan tỏa và thúc đẩy đà tăng trên diện rộng nhằm giúp VN-Index chinh phục vùng cản tâm lý 1.300 điểm. Song đồng thời, chúng tôi khuyến nghị sự thận trọng cần thiết khi thị trường thành công chinh phục vùng 1300 điểm khi áp lực chốt lời có thể sẽ hình thành trong vùng 1300 điểm và kéo dài đến 1330 điểm.
- **Các động lực chính trong năm 2025:**
 - **Hoạt động sản xuất:** Với việc các ngành công nghiệp và sản xuất tiêu thụ hơn 50% lượng điện của Việt Nam, mức tăng trưởng sản lượng điện 11% YoY trong 10 tháng đầu năm 2024, kết hợp với chỉ số PMI duy trì trên 50 điểm trong tám trên mười tháng (không tính tháng 1), cho thấy hoạt động sản xuất trong nước đang có sự cải thiện đáng kể so với giai đoạn 2022-2023. Mặc dù tồn tại những lo ngại về nguy cơ thiếu điện khi một số khu công nghiệp đã trải qua tình trạng mất điện đột ngột do nhiệt độ tăng cao và nhu cầu điện gia tăng, chúng tôi tin rằng Luật Điện lực sửa đổi, các sáng kiến về năng lượng tái tạo, và kế hoạch phát triển điện hạt nhân sẽ đảm bảo nguồn cung điện đầy đủ cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất. Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực về sự ổn định của ngành sản xuất trong năm 2025, được hỗ trợ bởi lợi ích đa dạng hóa chuỗi cung ứng từ chiến lược “Trung Quốc +1” và Việt Nam sẽ tiếp tục thu hút dòng vốn FDI trong thời gian tới.
 - **Tiêu dùng nội địa:** Mặc dù các doanh nghiệp bán lẻ niêm yết cho thấy dấu hiệu phục hồi trong năm 2024, tốc độ tăng trưởng trong năm 2025 có thể sẽ chậm lại do hoạt động tiêu dùng vẫn còn thận trọng. Tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp bán lẻ niêm yết đã chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ trong các quý gần đây, tuy nhiên điều này chủ yếu xuất phát từ việc tối ưu hóa chi phí và cải thiện biên lợi nhuận thay vì gia tăng đầu tư và mở rộng quy mô. Trên thực tế, tổng doanh thu từ các doanh nghiệp lớn như MWG ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn trong những năm gần đây, khi doanh thu từ các mặt hàng không thiết yếu tại Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh duy trì ổn định và duy trì tính mùa vụ, trong khi tăng trưởng thực tế tập trung chủ yếu ở Bách Hóa Xanh. Trong năm 2025, chúng tôi dự báo chi tiêu tiêu dùng sẽ tăng trưởng ổn định nhưng ở mức khiêm tốn do chịu ảnh hưởng bởi hiệu ứng suy giảm tài sản đến từ sự phục hồi không đồng đều của thị trường bất động sản và chứng khoán.
 - **Nợ xấu:** Đối diện với sự chênh lệch ngày càng lớn giữa tốc độ tăng trưởng tín dụng và huy động tiền gửi, các ngân hàng thương mại đã thực hiện một chiến lược kìm hãm: tăng dần lãi suất tiền gửi và tích cực phát hành trái phiếu nhằm duy trì động lực tăng trưởng tín dụng trong khi giảm thiểu tỷ lệ nợ xấu (NPL), tận dụng việc không thay đổi nhóm nợ cho các doanh nghiệp gặp khó khăn theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN; đặc biệt trong bối cảnh số liệu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống, đạt 12,5% YTD tính đến ngày 07/12, gấp đôi tốc độ tăng trưởng cung tiền M2—hiện tượng này cho thấy quá trình xử lý nợ xấu, tái cơ cấu nợ và gia hạn nợ đang diễn ra. Mặc dù chất lượng tài sản có cải thiện nhẹ trong Q3/24, với tỷ lệ NPL giảm xuống 2,47%, nhưng mức này vẫn cao hơn 42 điểm cơ bản so với đầu năm. Với Thông tư 02/2023/TT-NHNN sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2024, chúng tôi cho rằng các ngân hàng thương mại có thể sẽ theo đuổi chiến lược ba mũi nhọn: tăng cường dự phòng rủi ro tín dụng, đẩy mạnh phát hành trái phiếu để hỗ trợ tăng trưởng tín dụng, và thúc đẩy các hoạt động tái cơ cấu nợ doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt.
 - **Thị trường trái phiếu doanh nghiệp:** Thời gian ân hạn cho các trái phiếu được tái dời thời hạn thanh toán theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP sẽ dần hết hạn, tạo ra rủi ro về chất lượng tài sản cho ngân hàng và thách thức thanh khoản hệ thống trong nửa đầu năm 2025, đặc biệt khi các ngành bất động sản, xây dựng và năng lượng vẫn đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh cũng như về áp lực tái cấp vốn.
 - **Các yếu tố rủi ro từ vĩ mô toàn cầu cần theo dõi:** (1) Xung đột Nga-Ukraine kéo dài tiếp tục làm suy giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế châu Âu; (2) Dòng vốn chảy mạnh vào thị trường Mỹ, dẫn đến sự rút vốn đáng kể đối với phần còn lại của thế giới; (3) Chính sách thuế quan mới trong nhiệm kỳ thứ 2 của Tân Tổng thống Donald Trump có khả năng sẽ làm gia tăng rủi ro thương chiến lan rộng ra toàn cầu; (4) Hoạt động sản xuất trì trệ trên các nền kinh tế lớn, đặc biệt là các ngành công nghiệp tại châu Âu và Trung Quốc; (5) Lạm phát dai dẳng tại thị trường Mỹ và Châu Âu cho thấy lộ trình bình thường hóa lãi suất có thể gặp nhiều biến động; (6) Quan điểm “điều hòa” của Ngân hàng Nhật Bản cùng khả năng tiếp tục nâng lãi suất mang lại rủi ro về việc đảo chiều hoạt động “carry trade”.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5,145,484	1,250.46	1,305.02	1,090.08	-0.65	-2.60	-1.25	-0.2	14.3	14.9	1.7	12.5	17.01	23.91
VN30 Index		3,583,783	1,311.26	1,372.66	1,077.33	-1.69	-1.52	2.50	3.6	21.2	11.7	1.6	14.8	20.42	15.06
VN70 Index		1,002,825	1,858.33	2,031.02	1,653.87	-1.42	-3.31	-5.83	0.9	11.6	18.0	1.5	8.8	14.26	34.72
VNFinLead Index		2,183,530	2,047.13	2,188.53	1,742.04	-3.32	-0.50	2.24	-1.1	16.8	8.6	1.3	15.3	19.46	11.10
Ngân hàng	VCB	521,462	93,300	98,200	80,300	1.74	1.74	5.30	-4.11	10.15	15.4	2.8	19.8	23.2	6.8
	BID	266,495	46,750	56,700	38,850	-1.99	-4.40	-1.99	-11.79	20.33	11.4	2.0	18.9	17.0	13.0
	CTG	191,977	35,750	37,550	26,000	2.88	2.00	12.42	0.56	35.93	9.1	1.4	16.5	26.8	3.2
	TCB	166,263	23,600	25,000	14,675	-1.67	1.07	0.85	11.85	60.00	7.5	1.2	16.8	22.3	0.2
	VPB	151,935	19,150	20,950	17,800	-5.43	1.06	6.69	-3.77	0.26	11.7	1.1	10.8	25.2	4.9
	MBB	128,148	24,150	26,200	17,700	-3.40	-2.82	10.53	0.00	35.67	6.0	1.2	22.0	23.2	0.0
	ACB	112,560	25,200	26,500	18,913	0.40	1.61	-1.43	3.50	32.03	7.0	1.4	22.3	30.0	0.0
	LPB	82,483	32,250	33,500	15,200	-0.92	2.71	23.80	88.60	110.78	9.1	2.1	28.8	0.5	4.5
	HDB	73,833	25,350	28,600	17,850	-6.80	-8.48	9.74	8.80	40.83	6.0	1.5	28.1	16.6	3.4
	STB	62,778	33,300	36,450	26,150	-4.31	9.00	19.57	5.55	21.09	7.3	1.2	18.4	23.5	6.5
	VIB	56,603	19,000	21,368	15,897	0.00	3.54	1.05	1.51	18.88	8.1	1.5	21.4	5.1	-0.1
	SSB	48,195	17,000	21,128	15,200	3.03	-11.46	-10.18	-15.67	-14.55	10.5	1.5	15.0	0.1	4.9
	TPB	42,800	16,200	18,100	13,667	-6.09	8.60	9.83	-2.07	14.35	8.9	1.2	14.2	30.0	0.0
	SHB	37,723	10,300	12,450	10,200	-1.90	-2.37	-9.65	-12.71	-4.63	4.9	0.7	14.6	2.9	27.1
	EIB	34,460	18,500	21,600	15,187	-7.50	6.71	0.48	9.36	8.76	13.1	1.5	11.8	2.8	27.2
MSB	29,900	11,500	13,200	9,615	-6.12	-0.86	5.28	-5.97	16.80	6.9	0.9	13.3	27.6	2.4	
OCB	26,507	10,750	13,333	10,200	-6.93	-9.66	-11.95	-14.85	-3.37	12.5	0.9	7.4	19.5	2.5	
Dịch vụ tài chính	SSI	48,164	24,550	31,461	23,800	-6.83	-9.46	-12.45	-17.54	-2.52	16.8	2.0	12.6	39.3	60.7
	VCI	23,769	33,100	42,308	31,154	-3.64	-7.36	-9.79	-5.64	3.69	24.4	2.3	10.2	18.0	82.0
	VND	20,932	13,750	21,653	13,700	-5.17	-11.29	-22.97	-30.89	-25.28	8.2	1.1	13.0	12.3	87.7
	HCM	20,267	28,150	31,300	20,250	-0.71	-3.92	-2.76	0.72	38.54	20.7	2.1	10.9	45.1	3.9
	VIX	14,658	10,050	14,131	9,098	-7.37	-17.28	-15.77	-17.61	-8.06	15.6	0.9	6.0	3.8	96.2
	EVF	8,138	10,700	18,056	10,200	-1.83	-5.28	-27.09	-39.81	-32.02	17.0	0.9	7.0	0.7	14.3
	TCI	913	7,900	12,314	7,560	-4.82	-13.09	-28.83	-30.95	-28.21	15.4	0.8	4.7	5.2	94.8
Bảo hiểm	BVH	35,260	47,500	47,500	38,200	10.59	4.40	5.56	10.72	21.79	19.5	1.7	8.9	26.6	22.4
	MIG	3,125	16,975	21,664	15,334	6.47	-2.43	-12.98	0.00	-0.55	12.3	1.6	13.3	17.1	82.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 29/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	171,100	26,750	29,950	24,045	-0.93	4.90	-5.31	-5.08	10.83	14.5	1.6	11.5	21.7	27.3
	GVR	125,200	31,300	38,200	19,650	-4.28	-11.46	-13.06	9.44	56.50	37.3	2.5	6.7	0.3	12.7
	DGC	41,586	109,500	134,000	87,800	-1.71	-3.69	-12.40	-2.23	15.87	15.9	3.2	21.4	17.6	31.4
	DCM	19,535	36,900	40,050	29,850	-1.86	-1.34	-2.12	9.33	15.31	14.3	2.0	14.3	6.5	42.5
	DPM	13,834	35,350	39,950	31,050	2.17	1.43	-1.81	1.73	7.28	21.7	1.3	5.8	8.9	40.1
	HSG	11,799	19,000	25,600	18,300	-6.63	-8.65	-11.83	-16.48	-11.42	22.8	1.1	4.7	10.1	38.9
	PHR	7,642	56,400	65,900	47,100	1.62	-5.21	-9.32	1.26	19.62	20.9	2.1	10.4	18.1	30.9
	NKG	5,108	19,400	27,150	19,050	-6.05	-11.01	-20.33	-19.00	-15.65	11.4	0.9	8.0	7.2	42.8
Bất động sản	VHM	167,582	40,800	46,000	34,600	-0.85	-1.69	4.62	-5.99	-1.21	8.7	0.9	11.0	11.7	38.3
	VIC	154,858	40,500	48,700	40,300	-1.22	-8.37	-6.14	-10.00	-2.99	16.1	1.2	7.5	10.1	37.9
	BCM	68,828	66,500	74,000	50,700	0.15	-7.64	9.02	5.06	14.26	26.8	3.7	15.3	2.1	31.9
	VRE	40,674	17,900	27,200	17,350	-1.65	-6.77	-17.13	-32.45	-19.00	9.9	1.0	10.5	20.9	28.2
	KDH	33,519	33,150	35,909	27,045	-1.04	-3.28	1.15	5.24	16.88	70.4	2.0	2.9	36.7	13.4
	KBC	21,301	27,750	35,900	24,600	5.71	3.74	-11.90	-10.48	-10.77	49.2	1.2	2.4	18.6	30.4
	VPI	18,723	58,500	59,100	44,583	0.86	3.36	18.78	21.03	27.40	66.4	4.3	6.6	10.7	38.3
	PDR	18,511	21,200	29,724	16,950	-0.24	-1.62	-15.20	-19.08	-13.73	40.5	1.8	4.5	7.4	42.7
	SIP	16,548	78,600	86,600	49,565	5.93	2.21	0.66	7.61	52.94	16.1	4.2	28.4	3.0	46.0
	NLG	14,795	38,450	45,850	35,000	-2.41	-6.22	-12.01	-2.90	3.92	51.4	1.6	3.2	47.9	2.1
	DXG	12,612	17,500	20,300	12,550	5.74	11.46	3.86	-4.11	-7.59	93.2	1.2	1.3	17.6	32.4
	IJC	5,062	13,400	16,950	11,893	0.75	-3.94	-9.15	-9.15	12.25	17.9	1.1	5.8	4.8	44.2
	NTC	4,608	192,000	240,000	159,000	-0.78	-3.03	-9.43	-7.47	4.35	16.8	5.2	35.8	2.3	-2.3
	DXS	4,459	7,700	8,680	5,500	32.76	29.41	-9.31	10.00	10.79	N/A	0.8	-0.2	19.0	31.0
Xây dựng cơ bản	LHG	1,815	36,300	43,700	29,100	-0.41	-4.47	3.42	3.42	21.00	9.5	1.2	12.7	18.1	30.9
	VEA	50,893	38,300	50,900	32,700	-15.64	-12.95	-14.32	4.93	15.71	8.3	2.0	24.6	1.8	47.2
	REE	31,652	67,200	72,000	47,826	3.38	-2.04	8.39	26.27	35.34	17.5	1.8	10.4	49.0	0.0
	IDC	18,282	55,400	64,300	48,700	0.36	-8.58	-13.17	-5.94	13.06	8.5	3.6	45.2	22.7	26.3
	GEX	16,157	18,800	25,300	17,800	-8.29	-11.11	-20.34	-15.70	-12.56	15.7	1.2	8.0	5.7	44.4
	CTR	13,669	119,500	162,000	86,100	-6.57	-6.71	-7.94	13.81	29.89	26.8	8.4	30.2	10.0	39.0
	DIG	12,380	20,300	33,950	19,650	-1.22	-12.50	-26.45	-25.64	-17.81	454.2	1.7	0.4	4.9	44.1
	TCH	10,424	15,600	21,650	12,150	-3.11	-15.68	-21.61	19.08	25.30	11.3	1.1	10.7	5.3	45.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 29/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	BMP	10,355	126,500	136,100	86,800	-7.87	21.63	16.27	8.12	45.74	10.1	3.5	34.4	84.2	15.9
	HDG	9,653	28,700	32,000	22,591	7.69	1.77	-7.69	18.91	14.38	15.7	1.7	11.2	18.0	32.0
	PC1	8,262	23,100	27,783	21,304	-1.06	-5.96	-6.46	-4.27	-0.51	19.4	1.5	8.1	12.9	37.1
	SZC	7,325	40,700	45,000	34,071	3.83	9.70	-6.44	-5.68	15.02	26.7	2.5	11.7	2.3	17.7
	CTD	6,575	65,800	78,100	61,000	-1.79	3.62	-9.12	-1.35	6.13	20.3	0.8	3.9	49.0	0.0
	DPG	3,226	51,200	62,500	37,850	-3.40	-3.21	-12.78	27.36	32.99	15.9	1.8	11.7	6.5	42.5
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	166,522	229,800	230,000	81,000	8.40	8.81	23.88	89.92	181.96	22.8	6.3	29.7	2.6	47.4
	VNM	135,011	64,600	75,600	63,300	-2.56	-12.58	-1.67	-10.28	-4.15	15.6	4.3	27.7	51.6	48.4
	MSN	105,287	73,200	81,400	60,800	-6.27	-4.31	-5.18	3.98	20.99	81.1	3.6	4.8	26.1	22.9
	SAB	71,952	56,100	69,400	52,000	1.63	-2.43	-5.40	-4.10	-13.69	17.2	3.0	17.2	60.7	39.3
	QNS	18,713	50,900	51,800	43,600	4.09	6.71	3.04	5.17	10.17	7.2	1.8	26.9	13.5	35.5
	VHC	16,340	72,800	80,000	55,833	2.54	-1.09	-1.09	-0.95	32.36	18.1	1.9	10.4	28.3	71.7
	KDC	14,925	51,500	62,624	49,600	1.78	-7.04	-14.49	-11.65	-6.78	N/A	2.1	-6.7	19.2	30.8
	SBT	9,108	12,300	13,950	10,700	-1.60	-1.99	4.24	-7.52	-6.82	15.9	1.0	6.4	21.5	78.5
	DBC	9,003	26,900	32,304	21,077	-2.89	-5.45	-12.66	4.58	26.59	13.1	1.4	9.6	7.4	41.6
	PAN	4,752	22,750	25,700	18,850	-6.95	-0.44	-2.78	-2.99	19.74	8.3	0.9	11.9	18.1	30.9
Tiện ích	GAS	163,050	69,600	83,725	68,600	-1.42	-14.78	-12.46	-8.28	-7.20	14.8	2.8	18.5	1.8	47.2
	POW	29,039	12,400	15,300	10,450	2.90	-7.81	-3.13	6.44	10.22	21.5	0.9	4.3	3.8	45.2
	BWE	10,568	48,050	48,050	35,088	6.78	8.59	13.06	27.39	29.80	18.8	1.9	10.9	11.7	37.3
	QTP	6,300	14,000	17,700	13,500	1.45	-4.76	-16.67	-7.28	-4.11	10.7	1.2	10.7	0.9	48.1
Dầu khí	PLX	50,824	40,000	51,700	33,750	-3.38	-17.70	-3.26	11.58	13.96	17.0	2.0	11.9	17.6	2.4
	PVS	16,442	34,400	47,300	31,800	-8.99	-15.69	-21.64	-6.52	-10.88	15.2	1.2	8.3	20.6	28.4
	PVD	13,174	23,700	34,300	23,000	-7.42	-13.66	-25.94	-23.30	-15.36	24.1	0.8	4.5	10.7	38.3
	PVT	9,612	27,000	32,000	22,909	-1.82	-6.09	-12.62	10.82	13.36	9.0	1.3	15.2	12.6	36.4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 29/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
May mặc và trang sức	PNJ	31,391	92,900	109,600	78,100	-2.72	-9.10	0.00	2.77	15.40	16.0	3.1	20.2	48.8	0.2
	TCM	4,930	48,400	53,600	36,273	6.61	1.89	2.38	23.38	29.22	22.3	2.2	10.6	50.0	0.0
	PTB	4,277	63,900	76,500	53,900	3.06	-2.14	-12.59	10.94	10.94	13.0	1.5	11.9	24.0	1.0
	MSH	3,691	49,200	53,500	36,000	3.80	-0.10	0.82	23.00	25.83	11.2	2.0	18.5	4.3	44.7
	TNG	3,065	25,000	28,300	16,667	0.00	-8.09	5.06	26.76	48.35	10.9	1.7	15.9	17.2	31.8
Bán lẻ	MWG	88,446	60,500	70,200	38,050	-8.33	-13.32	-3.66	30.95	57.14	30.1	3.3	11.8	46.8	2.2
	FRT	24,319	178,500	188,000	97,400	4.26	-1.76	8.18	23.10	74.32	234.7	13.7	6.0	36.8	12.2
	DGW	9,393	43,250	53,769	37,923	0.58	-9.17	-12.01	0.76	11.34	23.7	3.3	14.4	22.0	27.0
Phần mềm và dịch vụ	FPT	212,275	144,300	145,400	79,391	6.18	7.05	22.92	52.24	80.57	28.7	7.2	28.1	46.1	3.0
	CMG	10,815	56,800	74,600	37,000	7.78	7.58	-4.05	42.18	46.59	32.9	4.0	12.4	37.7	12.3
Dịch vụ viễn thông	FOX	48,266	98,000	115,000	50,600	7.10	5.15	24.52	65.26	88.46	22.4	5.5	26.2	0.0	0.0
Vận tải	ACV	273,643	125,700	138,000	61,200	6.89	14.27	25.07	51.08	85.13	36.8	5.3	18.0	3.7	45.3
	VJC	55,461	102,400	119,400	99,000	-1.44	-2.75	-4.30	-0.68	0.39	40.8	3.3	8.5	13.3	16.7
	GMD	26,785	64,700	73,671	57,148	-0.61	-5.63	-8.36	-0.04	8.22	18.9	2.7	14.7	49.0	0.0
	VTP	16,051	131,800	133,000	47,200	45.64	73.42	67.90	68.11	176.89	65.0	12.0	18.5	7.4	41.6
	SCS	7,401	78,000	95,000	65,000	4.98	-5.91	-13.04	3.86	19.63	11.6	5.2	46.3	21.6	8.5
	HAH	5,831	48,050	48,500	30,696	9.83	16.48	30.79	31.72	55.65	15.2	2.0	14.2	12.1	17.9
	VIP	969	14,150	17,150	10,800	8.43	11.86	-13.46	26.34	26.34	14.9	0.8	5.2	9.9	39.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 29/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.